

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM VĂN TÂN

**KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY
TỪ THỰC TIỄN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: HOÀNG THỊ MINH SƠN

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu trích dẫn trong luận văn dựa trên số liệu bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Phạm Văn Tân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN TRONG CÔNG TÁC KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ TỘI PHẠM MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN	6
1.1. Khái niệm, nhiệm vụ, quyền hạn của viện kiểm sát nhân dân trong công tác kiểm sát điều tra đối với các vụ án về tội phạm ma túy	6
1.2. Nội dung hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án hình sự	11
1.3. Phân biệt thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và kiểm sát điều tra	30
1.4. Môi quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng	31
1.5. Một số tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động kiểm sát điều tra các vụ	32
Chương 2: THỰC TIỄN KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG	35
2.1. Khái quát tình hình và đặc điểm các tội phạm về ma túy tại tỉnh Hải Dương.....	35
2.2. Thực trạng công tác kiểm sát điều tra các vụ án về tội phạm ma túy của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương	44
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG	61
3.1. Dự báo tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian tới	61
3.2. Quan điểm chỉ đạo của Đảng, của Ngành kiểm sát nhân dân về công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy.....	62
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát điều tra các vụ án đối với tội phạm về ma túy của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương	64
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÀI

BLHS	:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật Tố tụng Hình sự
TTHS	:	Tố tụng Hình sự
KSV	:	Kiểm sát viên
VKSND	:	Viện kiểm sát Nhân dân
VKSNDTC	:	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao
CQĐT	:	Cơ quan Điều tra
THQCT	:	Thực hành quyền Công tố
KSĐT	:	Kiểm sát Điều tra
ĐTV	:	Điều tra viên
THTT	:	Tiến hành Tố tụng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Bảng thống kê tội phạm về ma túy từ năm 2012 đến năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Bảng 2.2. Thống kê nguồn tin báo, tố giác về tội phạm ma túy

Bảng 2.3. Bảng thống kê số tin báo về tội phạm ma túy và số tin bị khởi tố điều tra trên địa bàn tỉnh Hải Dương từ năm 2012 – 2016

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. VKSND cùng với các cơ quan tư pháp khác là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, giữ vững an ninh chính trị, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế.

Trong những năm vừa qua công tác KSĐT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về các tội phạm ma túy của VKSND tỉnh Hải Dương đã có nhiều tiến bộ. Trước tình hình tội phạm gia tăng trên nhiều lĩnh vực, toàn ngành Kiểm sát quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, công tác KSĐT trong giai đoạn khởi tố, điều tra đã có những chuyển biến mạnh mẽ và tích cực. VKSND đã tích cực triển khai các biện pháp quản lý và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm. Do có sự phối hợp chặt chẽ với Cơ quan CSĐT - Công an (gọi tắt là CQĐT) tỉnh Hải Dương nâng cao trách nhiệm trong khâu công tác KSĐT, đã tăng cường kiểm sát việc khởi tố và kiểm sát các hoạt động tố tụng của CQĐT, tăng cường quản lý chặt chẽ các vụ án đình chỉ điều tra, kiểm sát việc khởi tố và kiểm sát quá trình điều tra vụ án. Chú trọng cử KSV tham gia khám nghiệm hiện trường, chủ động đề ra yêu cầu điều tra, đảm bảo hoạt động điều tra tuân thủ các quy định của pháp luật. VKS đã nâng cao trách nhiệm trong kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn của CQĐT, có nhiều biện pháp quản lý, theo dõi chặt chẽ các trường hợp quá hạn tạm giam trong các giai đoạn tố tụng để kịp thời kiến nghị, yêu cầu khắc phục. Đồng thời VKS đã thực hiện công tác KSĐT ngay từ đầu, nhất là đối với các vụ án trọng điểm, phức tạp về ma túy. Do đó, việc khởi tố điều tra, truy tố các vụ án về tội phạm ma túy nhìn chung đảm bảo chất lượng, đảm bảo thời hạn tố tụng, truy tố tội phạm và người phạm tội có căn cứ và đúng pháp luật. Công tác phòng ngừa tội phạm của VKSND từng bước được chú trọng. Mặc dù, đã có nhiều cố gắng trong hoạt động kiểm sát các HĐTP ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về tội phạm ma túy nói riêng. Tuy vậy, vẫn còn bộc lộ nhiều thiếu sót, tồn tại cần được khắc phục, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy là: trong lĩnh vực kiểm sát việc

khởi tố còn dễ xảy ra những trường hợp khởi tố thiếu căn cứ dẫn đến phải đình chỉ. KSV được phân công KSĐT vụ án chưa kịp thời KSĐT vụ án ngay từ đầu, chưa đề ra yêu cầu điều tra đối với vụ án. Đề ra yêu cầu điều tra chưa đảm bảo chất lượng, có nội dung không cần thiết, có nội dung ĐTV không thể thực hiện được, dẫn đến tình trạng thời hạn giải quyết vụ án kéo dài, phải gia hạn thời hạn điều tra vụ án, có vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan THTT. Trong quan hệ với CQĐT vẫn còn tình trạng ngại va chạm, xuôi chiều. Công tác chỉ đạo giải quyết án của lãnh đạo VKS nhiều khi còn chưa thống nhất, chưa thường xuyên, chưa kịp thời. Việc chỉ đạo hướng dẫn của liên ngành tổ tụng Trung ương đối với VKS cấp dưới chưa kịp thời, còn dễ kéo dài làm ảnh hưởng đến thời hạn và kết quả giải quyết vụ án. Trước những thay đổi của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, của khoa học và công nghệ, của hội nhập quốc tế, những đòi hỏi ngày càng cao của xã hội đối với việc cải cách tư pháp để đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm về ma túy nói riêng.

Việc nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng công tác KSĐT về tội phạm ma túy trong những năm gần đây (2012 đến 2016); làm rõ những kết quả đã đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những kết quả đã đạt được, nguyên nhân của những thiếu sót, tồn tại làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KSĐT về tội phạm ma túy của VKSND tỉnh Hải Dương là rất cần thiết. Với những lý do nói trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy từ thực tiễn tỉnh Hải Dương”*** làm luận văn Thạc sĩ Luật học là đáp ứng yêu cầu cấp thiết hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn cả nước nói chung, tỉnh Hải Dương nói riêng ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp cả về tính chất, mức độ và cường độ thực hiện tội phạm đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu khoa học cũng như chỉ đạo thực tiễn trong và ngoài ngành KSND. Liên quan đến nội dung của đề tài luận văn có một số công trình nghiên cứu, như:

- *"Hoạt động đánh giá chứng cứ của Viện Kiểm sát nhân dân trong các vụ án ma túy"* của Hoàng Minh Thành.

- *"Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân trong điều tra các vụ án ma túy"* của Nguyễn Thị Mai Nga.

- *"Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ở giai đoạn điều tra các vụ án về ma túy có bị can là người nước ngoài"* của Lê Chí Dũng.

- *"Thực trạng tội phạm, tệ nạn ma túy ở Việt Nam, nguyên nhân và kiến nghị phòng ngừa"* của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- *"Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án ma túy"* của Trường Đại học Kiểm sát.

- *"Hội nghị tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết án ma túy"* của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- *"Kinh nghiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án ma túy"* của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- *"Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật"* của Trường Đại học Luật Hà Nội.

- *"Tập bài giảng lớp bồi dưỡng kiến thức thực hành quyền công tố và kiểm sát hình sự dùng cho Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện"* của Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát.

- *"Sổ tay Kiểm sát viên hình sự"* của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

- *"Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự"* của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Chuyên đề tổng kết nghiệp vụ kiểm sát: *"Nâng cao chất lượng THQCT, KSĐT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự nhằm hạn chế tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng"* của Vụ THQCT và KSĐT án ma túy năm 2008;

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề, ở những giai đoạn khác nhau của tố tụng hình sự trong việc giải quyết các vụ án ma túy. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu, khảo sát về KSĐT các tội phạm về ma túy từ thực tiễn tỉnh Hải Dương. Đề tài luận văn là công trình nghiên cứu đầu tiên về vấn đề này. Các công trình nghiên cứu đã được thực hiện nêu trên là nguồn tư liệu cơ bản để học viên tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn để nâng cao chất lượng KSĐT các vụ án hình sự về tội phạm ma túy của VKSND tỉnh Hải Dương hiện nay, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm này, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên Luận văn có những nhiệm vụ sau đây:

- Tổng hợp, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về công tác KSĐT về tội phạm nói chung, tội phạm về ma túy nói riêng;
- Khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá đúng thực trạng công tác KSĐT về tội phạm ma túy của VKSND tỉnh Hải Dương, với thời điểm 5 năm (từ....). Từ đó, đánh giá những kết quả đã đạt được; rút ra những tồn tại, thiếu sót, nguyên nhân của tồn tại, thiếu sót;
- Tổng hợp các Quan điểm chỉ đạo của Đảng, của ngành KSND về một số nhiệm vụ trọng tâm về cải cách tư pháp trong thời gian tới (trong đó có công tác Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra tội phạm nói chung, tội phạm về ma túy nói riêng); đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy trong thời gian tới; đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định của pháp luật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác KSĐT các vụ án về tội ma túy của VKSND tỉnh Hải Dương

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Là những cơ sở lý luận và thực tiễn công tác KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy từ năm 2012 đến năm 2016 của VKSND tỉnh Hải Dương.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, luận văn dựa trên quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta, của ngành KSND về đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy nói riêng. Kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể, như: Phương pháp khảo sát, phân

tích, tổng hợp, so sánh, thống kê ... kết hợp giữa các phương pháp nghiên cứu, phương pháp phân tích được xem là phương pháp chủ đạo.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ở một mức độ nhất định, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy. Bên cạnh đó, luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy chuyên ngành đối với công tác kiểm sát ở cơ sở đào tạo, dùng làm tài liệu biên soạn các tập bài giảng, chuyên đề giảng dạy các khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát cũng như các khóa tập huấn chuyên sâu của ngành kiểm sát. Ngoài ra kết quả nghiên cứu của luận văn còn có thể được sử dụng để xây dựng các kỹ năng nghề nghiệp, các thao tác nghiệp vụ trong quan hệ giữa KSV với ĐTV trong quá KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về tội phạm ma túy trong giai đoạn cải cách tư pháp.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung kết quả nghiên cứu được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận trong công tác kiểm sát điều tra các vụ án về tội phạm ma túy của Viện kiểm sát nhân dân

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm sát điều tra các vụ án về tội phạm ma túy của Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Chương 3: Một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát điều tra các vụ án về tội phạm ma túy của Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN TRONG CÔNG TÁC KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ TỘI PHẠM MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. Khái niệm, nhiệm vụ, quyền hạn của viện kiểm sát nhân dân trong công tác kiểm sát điều tra đối với các vụ án về tội phạm ma túy

1.1.1. Khái niệm kiểm sát điều tra các vụ án hình sự

Trong một vụ án hình sự, các cơ quan điều tra luôn phải tiến hành các hoạt động điều tra khác nhau để tìm ra sự thật khách quan của tội phạm, có hay không có hành vi phạm tội và các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc xác định tội phạm. Hoạt động điều tra là một công cụ, phương tiện khám phá tội phạm, có bản chất và nội hàm của hoạt động nhận thức. Vậy, chúng ta có thể hiểu điều tra là gì?

Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn TTHS thứ hai mà trong đó CQĐT căn cứ vào các quy định của pháp luật TTHS và dưới sự kiểm sát của VKSND tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm thu thập và củng cố các chứng cứ, nghiên cứu các tình tiết của vụ án hình sự, phát hiện nhanh chóng và đầy đủ tội phạm, cũng như người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm tội để truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại về vật chất do tội phạm gây nên và trên cơ sở đó quyết định: Đình chỉ điều tra vụ án hình sự hoặc là chuyển toàn bộ các tài liệu của vụ án đó cho VKS kèm theo kết luận điều tra và đề nghị truy tố bị can.

Hoạt động điều tra trong điều tra vụ án hình sự gồm các hoạt động cụ thể sau: Hỏi cung bị can; Lấy lời khai của người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác; Khám xét (khám người, khám chỗ ở, địa điểm, chỗ làm việc); Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện; Khám nghiệm (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi); Xem xét dấu vết trên thân thể; Thực nghiệm điều tra; Trưng cầu giám định.

Với tính chất là một giai đoạn độc lập của TTHS, giai đoạn điều tra vụ án hình sự có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định để chứng minh việc thực hiện tội phạm và người phạm tội, xác định rõ những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đồng thời kiến nghị các cơ quan và tổ chức hữu quan áp dụng đầy đủ các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tội phạm; Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi cơ quan (người) THTT hình sự có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình

sự và kết thúc bằng bản kết luận điều tra và quyết định của CQĐT về việc đề nghị VKS truy tố bị can trước Tòa án hoặc đình chỉ vụ án hình sự tương ứng. Đây chính là bản chất pháp lý của hoạt động điều tra vụ án hình sự

KSĐT các vụ án hình sự là hoạt động của VKSND kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật TTHS phát sinh trong giai đoạn điều tra, nhằm đảm bảo cho quá trình điều tra vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm việc điều tra phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác; những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra phải được phát hiện, khắc phục kịp thời và xử lý nghiêm minh.

Như vậy, có thể nói bản chất hoạt động KSĐT vụ án hình sự của VKSND đó là kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động tư pháp của CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Hoạt động KSĐT với tính chất là một chức năng cơ bản của VKS thì hoạt động đó có bản chất pháp lý là kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp các hoạt động TTHS được thực hiện bởi CQĐT và các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra vụ án hình sự nhằm bảo đảm việc điều tra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Sau khi vụ án được khởi tố, giữa các chủ thể THTT và những người tham gia tố tụng phát sinh những quan hệ tố tụng, các quan hệ này tồn tại trong suốt cả quá trình giải quyết vụ án hình sự. Trong giai đoạn điều tra thì đó là mối quan hệ giữa cơ quan điều tra và VKSND, là các hoạt động của CQĐT được thực hiện bởi các ĐTV, là các hành vi của ĐTV, là các quyết định của CQĐT, là hành vi của những người tham gia tố tụng...Khi các hoạt động tố tụng xuất hiện nó sẽ đòi hỏi phải có sự giám sát việc tuân theo pháp luật nhằm đảm bảo cho pháp luật được tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh. Theo quy định của pháp luật thì trong giai đoạn điều tra chủ thể duy nhất của hoạt động KSĐT là VKSND. Mặc dù có cùng chung một mục đích là đảm bảo pháp chế trong giải quyết các vụ án hình sự nhưng mỗi công tác trên của VKSND ứng với mỗi giai đoạn TTHS nhất định, có đối tượng, phạm vi, nội dung riêng. Hoạt động kiểm sát cũng vậy, nó có mục đích, đối tượng và phạm vi riêng của nó.

Về mục đích của hoạt động KSĐT: Là nhằm đảm bảo pháp luật được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh và thống nhất trong suốt quá trình điều tra vụ án hình sự.

Về đối tượng của hoạt động KSĐT: Là việc chấp hành pháp luật của CQĐT, là hành vi của cán bộ, ĐTV được giao nhiệm vụ tiến hành các hoạt động điều tra, là các quyết định của CQĐT trong giai đoạn điều tra, là việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong suốt cả quá trình điều tra.

Phạm vi của hoạt động KSĐT: Về phạm vi của KSĐT vụ án hình sự từ trước đến nay đang là vấn đề còn nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, đa số ý kiến đều cơ bản thống nhất là phạm vi bắt đầu từ khi có tội phạm xảy ra. Theo đó, các cơ quan tư pháp có thẩm quyền có trách nhiệm khởi động hoạt động điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, để bảo đảm cho các hoạt động tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đòi hỏi phải có sự giám sát chặt chẽ của VKS thông qua hoạt động KSĐT. Vì vậy, phạm vi của hoạt động KSĐT vụ án hình sự được xác định bắt đầu từ khi có tội phạm xảy ra hoặc phát hiện được dấu hiệu của tội phạm cho tới khi vụ án được kết thúc điều tra bằng bản kết luận điều tra của cơ quan có thẩm quyền chuyển cho VKS đề nghị truy tố hoặc khi CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Việc xác định phạm vi như vậy là thể hiện tính đầy đủ, toàn diện của công tác KSĐT vụ án hình sự của VKS, cũng thể hiện đầy đủ bản chất pháp lý của hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong điều tra vụ án hình sự, đó là kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp trong hoạt động tố tụng của cơ quan THTT trong điều tra vụ án hình sự.

1.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong công tác KSĐT các vụ án hình sự

Theo quy định tại điều 113 BLTTHS năm 2003 thì: Khi thực hiện công tác KSĐT, VKSND có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây.

Thứ nhất, kiểm sát việc khởi tố; Kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án hình sự của CQĐT

VKSND trong quá trình KSĐT vụ án hình sự phải kiểm sát chặt chẽ việc gửi kịp thời quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT, tránh tình trạng CQĐT chậm trễ trong việc gửi quyết định cho VKSND hoặc có sự kiện phạm tội xảy ra nhưng không được khởi tố vụ án. VKSND phải kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định không khởi tố vụ án hình sự đảm bảo các dấu hiệu tội phạm phải được phản ánh trong quyết định khởi tố vụ án và trong hồ sơ, tài liệu xác minh đơn, tin báo, tố giác tội phạm...

Sau khi nhận được quyết định không khởi tố vụ án hình sự cần kiểm tra xem xét tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định. Tính có căn cứ của quyết định là những căn cứ quy định tại Điều 107 BLTTHS. Khi xem xét quyết định, VKSND phải đảm bảo thẩm quyền của cơ quan ra quyết định, người ra quyết định, nội dung và hình thức quyết định cũng như những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự là đúng với quy định của pháp luật. Khi tiến hành kiểm sát quyết định khởi tố bị can, VKSND bảo đảm quyết định khởi tố bị can phải thỏa mãn được các điều kiện mà pháp luật đã quy định, đó là tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định.

Trong hoạt động kiểm sát khởi tố bị can, VKSND trước hết phải xác định được thẩm quyền của cơ quan, người ra quyết định khởi tố bị can có đúng quy định của pháp luật không? Hình thức và nội dung của quyết định khởi tố bị can có đảm bảo đúng pháp luật không? Khởi tố bị can về tội gì? Theo điều nào của BLHS phải được ghi rõ trong quyết định khởi tố bị can. Trong quá trình KSĐT vụ án, VKSND có trách nhiệm kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ của CQĐT nhằm bảo đảm các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra phải được thể hiện trong hồ sơ vụ án, các tài liệu trong hồ sơ phải được sắp xếp, đánh số bút lục theo đúng trình tự.

Thứ hai, Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Trong quá trình KSĐT vụ án hình sự, KSV chủ động yêu cầu ĐTV giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ người bị tạm giữ, bị can và những người tham gia tố tụng khác trong hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 62 BLTTHS. Kiểm sát việc lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan đến vụ án, người làm chứng của ĐTV. KSV chủ động yêu cầu ĐTV lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; Không để sót những người làm chứng quan trọng mà họ trực tiếp nghe được, nhìn thấy hành vi phạm tội, bảo đảm cho họ quyền đưa ra tài liệu, đồ vật những yêu cầu của mình để làm rõ vụ án; Nếu thấy cần thiết thì đồng thời với việc ghi lời khai, có thể ghi âm, chụp ảnh, ghi hình.

Kiểm sát việc hỏi cung bị can của ĐTV, KSV phải chủ động bàn với ĐTV về kế hoạch và đề ra yêu cầu hỏi cung bị can ngay sau khi khởi tố bị can để làm rõ các vấn đề có liên quan đến tội phạm đã khởi tố. Trong quá trình KSĐT vụ án hình sự, khi xác định bắt

buộc phải có người bào chữa theo quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS mà bị can hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa, thì KSV yêu cầu ĐTV báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT có văn bản yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho họ hoặc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.

Thứ ba, giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa CQĐT thuộc các ngành khác nhau thì Viện trưởng VKSND cùng cấp nơi tội phạm xảy ra hoặc nơi phát hiện tội phạm quyết định. Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa CQĐT cùng ngành ở cấp nào thì Viện trưởng VKSND cấp đó yêu cầu Thủ trưởng quản lý cùng cấp giải quyết. Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển thì Viện trưởng VKSND có thẩm quyền nơi xảy ra vụ án quyết định.

Thứ tư, yêu cầu CQĐT khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự; Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra xử lý nghiêm minh Điều tra viên đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra.

KSV thụ lý giải quyết vụ án phải kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra để yêu cầu khắc phục, báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng yêu cầu Thủ trưởng CQĐT xử lý nghiêm minh ĐTV đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra. Nếu vi phạm của ĐTV có dấu hiệu tội phạm thì Viện trưởng, Phó Viện trưởng yêu cầu CQĐT có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự. Nếu hành vi của ĐTV có dấu hiệu xâm phạm hoạt động tư pháp thì Viện trưởng, Phó Viện trưởng cấp tỉnh báo cáo Viện trưởng VKSNDTC giao cho CQĐT của VKSNDTC khởi tố, điều tra theo thẩm quyền. Đối với những quyết định không có căn cứ, trái pháp luật của Phó thủ trưởng CQĐT hoặc ĐTV thì Viện trưởng, Phó Viện trưởng ra văn bản yêu cầu Thủ trưởng CQĐT ra quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ hoặc trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ.

Thứ năm, kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Thực hiện quyền này chính là nhằm mục tiêu phòng ngừa tội phạm, từng bước hạn chế tội phạm thông qua hoạt động KSĐT các vụ án hình sự của VKSND. Trên cơ sở KSĐT vụ

án hình sự nếu phát hiện các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, đơn vị hữu quan có những sơ hở, thiếu sót...là nguyên nhân, điều kiện dẫn tới vi phạm, tội phạm thì VKSND phải ban hành văn bản kiến nghị để tiến hành các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Bởi lẽ, rõ ràng việc không để tội phạm xảy ra xét về hiệu quả kiểm soát tội phạm luôn được đánh giá cao hơn là việc kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm

Đây là nội dung của hoạt động KSĐT được quy định tại Điều 113 BLTTHS 2003, tuy nhiên, so với BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 và Điều 15 Luật tổ chức VKSND 2014 có nhiều điểm đổi mới trong qui định về hoạt động KSĐT vụ án hình sự. Xu hướng đổi mới cơ bản là rõ ràng hơn, cụ thể hơn những hoạt động KSĐT đã được qui định tại BLTTHS năm 2003. Với 08 nhóm hoạt động KSĐT, Điều 15 Luật tổ chức VKSND đã bổ sung đối tượng KSĐT là các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra; qui định cụ thể hơn quyền yêu cầu, kiến nghị xử lý vi phạm pháp luật của VKS đối với người tham gia tố tụng; bổ sung quyền yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV, cán bộ điều tra; bổ sung qui định có “tính mở” về nhiệm vụ, quyền hạn khác trong KSĐT theo qui định của BLTTHS.

1.2. Nội dung hoạt động kiểm sát điều tra các vụ án hình sự

1.2.1. Tiếp nhận, xử lý và kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Trước đây việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm được pháp luật quy định là trách nhiệm của nhiều cơ quan như CQĐT của lực lượng An ninh nhân dân, Cảnh sát nhân dân, VKSND (bao gồm cả VKS quân sự), Quân đội nhân dân; Các cơ quan khác trong lực lượng An ninh Nhân dân, Cảnh sát Nhân dân, Quân đội Nhân dân...Chính việc quy định có quá nhiều cơ quan tiếp nhận tin báo tội phạm đã dẫn đến một thực tế xảy ra đó là tình trạng chồng chéo, không có sự liên kết giữa những cơ quan này. Để khắc phục tình trạng trên Nhà nước đã giao cho VKSND trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tiếp nhận, đăng ký giải quyết tin báo tố giác tội phạm về ma túy và kiến nghị khởi tố.

Công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy. Đây là hoạt động mở đầu của quá trình giải quyết vụ án nhằm phát hiện hành vi phạm tội. Trên cơ sở tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, cơ quan có thẩm quyền xác định có dấu hiệu tội phạm hay không để quyết định

việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Trách nhiệm của VKSND trong công tác này là kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm của CQĐT đúng pháp luật, đầy đủ; bảo đảm mọi tội phạm đều được phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý. Tại khoản 4 Điều 103 của BLTTHS 2003 có quy định: *“VKS có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của CQĐT đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố”*. Quy định này đặt ra yêu cầu VKS phải theo dõi, kiểm tra việc tiếp nhận; Giám sát chặt chẽ việc kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm của CQĐT; Có quyền yêu cầu CQĐT phải xử lý tất cả các tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã tiếp nhận được theo đúng thời hạn mà Bộ luật quy định; Kết quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố của các cơ quan nhà nước phải gửi cho VKS cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết.

Hoạt động kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm của VKS có vị trí, vai trò và ý nghĩa tiên quyết để bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội đều được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng pháp luật. Thực tiễn THQCT cho thấy, kiểm sát tốt việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm sẽ quyết định chất lượng thực THQCT, KSĐT để có thể khẳng định có hay không có hành vi tội phạm xảy ra, người nào thực hiện hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội đó gây ra như thế nào. Đồng thời, thông qua hoạt động này để có cơ sở khẳng định việc khởi tố là đúng người, đúng tội và bảo đảm các căn cứ để xử lý tội phạm, bảo đảm cho mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý theo quy định của pháp luật, tránh làm oan, sai và không bỏ lọt tội phạm. Như vậy, có thể khẳng định hoạt động kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo tội phạm là một hoạt động không thể thiếu trong quá trình tố tụng hình sự vì nó bảo đảm cho việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không bỏ lọt tội phạm. Về lý thuyết hoạt động của VKS trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm bao gồm những nội dung:

Thứ nhất, kiểm sát việc tiếp nhận thông tin về tội phạm ở CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. VKSND có nhiệm vụ kiểm sát việc CQĐT đã phát hiện và thụ lý đầy đủ các vi phạm và tội phạm xảy ra trên địa bàn mình quản lý hay chưa? Có trường hợp nào CQĐT không thụ lý hay không? Lý do không thụ lý là gì? Trong trường hợp VKS nhận được tố giác và tin báo về tội phạm nhưng CQĐT chưa nhận được thì VKS chuyển đến cho CQĐT để tiến hành xác minh.

Đối với hoạt động kiểm sát việc tiếp nhận các tố giác, tin báo về tội phạm của VKS thì đây là một công việc có tính chất phức tạp, bởi quy định về thụ lý các thông tin về tội phạm của CQĐT cũng như các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hiện nay thường do ngành dọc quy định, nên đòi hỏi người cán bộ kiểm sát bên cạnh việc nắm rõ quy định chung của BLTTHS, còn phải nắm được quy định của CQĐT về việc thụ lý, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Mặt khác còn phải nắm được phương pháp nghiệp vụ về điều tra án hình sự thì mới có thể phát hiện được các vi phạm của CQĐT. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề kiểm sát việc thụ lý các tố giác và tin báo về tội phạm của các cơ quan có thẩm quyền điều tra hiện đang gặp nhiều khó khăn do nhận thức và phương pháp phối hợp giữa hai ngành Công an và VKS chưa có sự thống nhất.

Thứ hai, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trong nội dung này VKS tập trung kiểm sát về thời hạn giải quyết và các biện pháp mà CQĐT áp dụng khi tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh có đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hay không. Cụ thể, về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm Điều 103 BLTTHS 2003 quy định: *"Trong thời hạn không quá hai mươi ngày kể từ khi nhận được tố giác hoặc tin báo, CQĐT phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Trong trường hợp sự việc bị tố giác hoặc tin báo có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác, tin báo có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng"*.

Như vậy, thời hạn để giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm không phức tạp là hai mươi ngày, nếu thông tin về tội phạm có nhiều tình tiết phức tạp phải kiểm tra, xác minh ở nhiều địa bàn khác nhau thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng không quá hai tháng. BLTTHS năm 2015 vẫn giữ nguyên thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm như BLTTHS năm 2003. Để kiểm sát được chặt chẽ thời hạn giải quyết thông tin về tội phạm của CQĐT thì VKS phải nắm được cụ thể nội dung của thông tin đó nhằm phân loại và xử lý, nếu thông tin về tội phạm có nội dung rõ ràng, xác thực và xét thấy hành vi mà đơn thư tố giác hay tin báo phản ánh có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì không cần thiết phải chờ hết hai mươi ngày mới ra quyết định xử lý. Trong trường hợp nói trên mà CQĐT vẫn để

kéo dài thời hạn cho hết hai mươi ngày mới ra quyết định xử lý thì VKS có biện pháp yêu cầu CQĐT quyết định khởi tố vụ án hình sự để tiến hành hoạt động điều tra.

Cùng với hoạt động kiểm sát về thời hạn kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo tội phạm, VKS còn phải tiến hành kiểm sát tính hợp pháp của những biện pháp mà CQĐT áp dụng trong quá trình kiểm tra, xác minh. Hoạt động kiểm tra, xác minh các tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT nhằm để xác định có dấu hiệu của tội phạm đã xảy ra hay không và trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, mà chưa cần phải làm rõ đối tượng phạm tội. Nên khi chưa có quyết định khởi tố vụ án hình sự thì CQĐT không được áp dụng bất kỳ biện pháp tố tụng hình sự nào. Chỉ sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự của cơ quan có thẩm quyền thì mới cho phép các cơ quan THTT có quyền áp dụng các biện pháp tố tụng hình sự do luật định để thu thập tài liệu và kiểm tra các chứng cứ nhằm chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết các tố giác và tin báo về tội phạm, VKS phải kịp thời phát hiện và yêu cầu khắc phục ngay những vi phạm của CQĐT trong quá trình xác minh tố giác, tin báo về tội phạm nếu có, như thế mới bảo đảm các hoạt động của CQĐT tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả của quá trình kiểm tra, xác minh các tố giác, tin báo về tội phạm đã thụ lý, CQĐT sẽ đánh giá và xác định có dấu hiệu của tội phạm hay không để từ đó giải quyết bằng việc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Với chức năng của mình, VKS tiếp tục kiểm sát việc khởi tố của CQĐT.

1.2.2. Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự được quy định cho các cơ quan THTT và các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Cụ thể thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự bao gồm CQĐT, VKS, Tòa án, các đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm và các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân, An ninh nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra... pháp luật đã giao thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can cho nhiều chủ thể khác nhau nhưng lại giao cho duy nhất VKS quyền quyết định việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Điều này thể hiện tính chế ước chặt chẽ trong hoạt động khởi tố nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ thể khi thực thi nhiệm vụ này để đảm bảo tính thận trọng, tránh việc khởi tố tràn lan, khăng

định được vai trò quyết định của VKS trong việc quyết định “số phận” pháp lý của một vụ án hình sự. Điều này cũng đồng nghĩa với việc VKS phải chịu trách nhiệm chính về tất cả các quyết định đó. Có thể nói, kiểm sát việc khởi tố là thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKS trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án hình sự, thông qua việc thực hiện chức năng này VKS có trách nhiệm bảo đảm quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự của cơ quan có thẩm quyền phải có căn cứ và hợp pháp, kịp thời ngăn chặn ngay từ ban đầu các vi phạm pháp luật của CQĐT. Ví dụ, như việc ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ dẫn đến áp dụng các biện pháp tố tụng hình sự sai hoặc việc ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự trái pháp luật thì sẽ dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

Về nguyên tắc, sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tố giác, tin báo về tội phạm, nếu phát hiện có dấu hiệu của tội phạm hình sự thì CQĐT phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, ngược lại nếu xác định không có dấu hiệu của tội phạm hình sự hay có dấu hiệu của tội phạm hình sự nhưng có căn cứ không khởi tố vụ án thì ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Tất cả các quyết định này của CQĐT phải được gửi cho VKS để tiến hành kiểm sát việc khởi tố. Bản chất của hoạt động kiểm sát việc khởi tố bao gồm hai nội dung là kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố và quyết định không khởi tố vụ án hình sự của cơ quan có thẩm quyền.

Tính có căn cứ là một nội dung cơ bản mà hoạt động kiểm sát khởi tố hướng tới. Điều 126 BLTTHS 2003 quy định: *“ Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can ”*. Theo quy định trên thì căn cứ duy nhất để khởi tố vụ án hình sự đó là khi có đủ cơ sở xác định một cách chính xác có dấu hiệu tội phạm đã xảy ra. Vì vậy, sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh các thông tin về tội phạm, CQĐT xác định chính xác có dấu hiệu tội phạm thì khi đó mới được ra quyết định khởi tố vụ án hình sự để mở cuộc điều tra. Ngược lại khi xác định không có dấu hiệu tội phạm thì CQĐT ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Thông qua hoạt động kiểm sát việc khởi tố xét thấy quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT không có căn cứ thì VKS có quyền ra quyết định hủy bỏ các quyết định nói trên.

Tính hợp pháp là nội dung quan trọng thứ hai mà VKS cần phải xem xét khi thực hiện chức năng kiểm sát việc khởi tố. Nội dung này bao gồm những vấn đề cần xem xét như: về

thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án; quyết định không khởi tố vụ án hình sự, nội dung và hình thức của quyết định đó đã đúng theo quy định của BLTTHS chưa...nếu qua kiểm sát, VKS phát hiện có những vi phạm về thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự thì yêu cầu cơ quan ra quyết định đó có biện pháp khắc phục.

Như vậy, khi nhận được quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự, VKS căn cứ vào các quy định của BLTTHS để tiến hành kiểm sát tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định đó một cách chặt chẽ. Để thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc khởi tố, VKS phải cùng CQĐT phân loại và xử lý các tố giác, tin báo về tội phạm và giám sát chặt chẽ việc xác minh của CQĐT.

1.2.3. Kịp thời đề ra yêu cầu điều tra để chỉ đạo hoạt động điều tra.

Cần phải khẳng định rằng việc đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra là một quyền năng quan trọng và cơ bản. Đồng thời nó cũng thể hiện trình độ năng lực của KSV khi THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Thông qua yêu cầu điều tra, KSV thể hiện rõ (quan điểm của mình trong việc thu thập, củng cố chứng cứ, hoàn thiện thủ tục tố tụng của vụ án hình sự. Việc đề ra yêu cầu điều tra của KSV có ý nghĩa rất quan trọng đối với kết quả điều tra của CQĐT. Hoạt động điều tra có đúng hướng, đầy đủ hay không, có kịp thời, hiệu quả hay không một phần rất lớn phụ thuộc vào việc đề ra các yêu cầu điều tra của KSV.

Thực tiễn đã chỉ ra rằng, nếu KSV có trình độ, năng lực, bám sát tiến độ điều tra, nắm chắc hồ sơ vụ án thì đề ra được yêu cầu điều tra có chất lượng, giúp ích rất nhiều cho ĐTV nhằm giải quyết vụ án khách quan, toàn diện và triệt để, góp phần hạn chế oan, sai hoặc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm kéo dài việc giải quyết vụ án, qua đó, uy tín của KSV đối với ĐTV và CQĐT được nâng cao. Ngược lại, nếu KSV có trình độ, năng lực hạn chế, không nắm chắc tiến độ, nội dung vụ án thì chỉ đề ra những yêu cầu chung chung, thậm chí không cần thiết làm cho ĐTV không thể thực hiện được, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và kết quả điều tra đối với vụ án. Từ phân tích trên cho thấy, yêu cầu điều tra có vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt, là biểu hiện tập trung nhất của việc gắn trách nhiệm của KSV với ĐTV trong việc điều tra vụ án.

Việc quy định KSV có quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành hoạt động điều tra xuất phát từ nhiệm vụ THQCT của VKS và từ bản chất của mối quan hệ phối

hợp, chế ước giữa VKS với CQĐT trong TTTHS. Với tư cách là cơ quan duy nhất được giao nhiệm vụ THQCT và KSĐT, VKS phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước, trước xã hội về quyết định truy tố của mình. Do đó, để xác định sự thật khách quan của vụ án, giúp cho việc truy tố của VKS có căn cứ, đúng pháp luật thì KSV có trách nhiệm đề ra yêu cầu điều tra. Trong giai đoạn điều tra, KSV không phải là người chứng kiến các hoạt động điều tra mà phải sử dụng tất cả các quyền năng pháp lý, trong đó có quyền đề ra yêu cầu điều tra để yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra nhằm phát hiện, thu thập, củng cố chứng cứ bảo đảm cho việc truy tố người phạm tội được chính xác, đúng pháp luật. Trong tố tụng hình sự, đề ra yêu cầu điều tra là một trong những biện pháp pháp lý mà KSV có quyền áp dụng từ khi có sự kiện phạm tội xảy ra cho đến khi kết thúc điều tra nên cần phải được bảo đảm thực hiện.

Đề ra yêu cầu điều tra một cách toàn diện, chính xác, đầy đủ là việc làm không đơn giản, đòi hỏi KSV phải có kinh nghiệm, trình độ, phải biết phân tích, tổng hợp, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, phải đánh giá đúng hành vi, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và hậu quả của nó, phải xác định được vai trò, trách nhiệm và nhân thân của từng bị can, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở nghiên cứu kỹ các tài liệu điều tra đã có trong hồ sơ, đối chiếu với quy định về những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự để tìm ra các vấn đề chưa được làm sáng tỏ, từ đó yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra. Mặt khác, yêu cầu điều tra đòi hỏi phải mang tính khả thi, có nội dung rõ ràng, tránh tình trạng nêu yêu cầu không rõ ràng, không mang tính khả thi khiến ĐTV không thể tiến hành điều tra được. Nếu như vụ án còn có vấn đề chưa được làm rõ thì phải ra bản yêu cầu điều tra để đảm bảo việc điều tra được toàn diện, triệt để; bởi thực tế đã chứng minh, trong quá trình điều tra, đôi khi bỏ qua một tình tiết nhỏ nhưng dẫn tới hậu quả vô cùng lớn. Khi tiến hành điều tra những vấn đề đương nhiên ĐTV phải làm (như xác định căn cước, lý lịch bị can...) thì không cần yêu cầu điều tra bằng văn bản. Nếu trong hồ sơ vụ án thiếu những tài liệu đó thì KSV trao đổi yêu cầu ĐTV bổ sung.

1.2.4. Kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ vật chứng, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện, kê biên tài sản kiểm sát việc trưng cầu giám định và kết quả giám định.

Thứ nhất, Kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường.

Kiểm sát khám nghiệm hiện trường là hoạt động thực hiện quyền năng pháp lý của KSV, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các chủ thể tiến hành khám nghiệm hiện trường nhằm bảo đảm việc khám nghiệm hiện trường được tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường về các tội phạm hình sự có hiệu quả, đòi hỏi KSV phải có kiến thức, kinh nghiệm nghiệp vụ về phương pháp, kỹ năng khám nghiệm hiện trường.

Khám nghiệm hiện trường là một hoạt động điều tra nhằm phát hiện, xem xét ghi nhận các dấu vết của tội phạm, vật chứng và làm sáng tỏ các tình tiết liên quan đến vụ án trên hiện trường vụ án. Vì vậy, nếu làm tốt việc khám nghiệm hiện trường sẽ giúp CQĐT xác định đúng hướng trong quá trình điều tra vụ án, giúp ĐTV xây dựng đúng giả thuyết điều tra về đối tượng phạm tội, phương thức, thủ đoạn phạm tội...với tính chất quan trọng của hoạt động khám nghiệm hiện trường nên pháp luật TTHS quy định khá cụ thể về trình tự, thủ tục khám nghiệm trong đó có quy định sự bắt buộc tham gia của VKS đối với hoạt động khám nghiệm hiện trường. Việc khám nghiệm hiện trường để lấy cơ sở làm căn cứ xác định dấu hiệu của tội phạm để từ đó có căn cứ quyết định khởi tố vụ án hình sự, nên VKS thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường bên cạnh việc bảo đảm hoạt động khám nghiệm được tiến hành khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, mà còn có thể nắm được rõ các tình tiết liên quan đến vụ án ngay từ ban đầu khi tội phạm xảy ra để làm cơ sở cho hoạt động kiểm sát tiếp theo như kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, kiểm việc sát khởi tố bị can..

BLTTHS quy định trong mọi trường hợp, trước khi khám nghiệm hiện trường, ĐTV phải thông báo cho VKS cùng cấp biết để cử KSV thực hiện kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường. VKS thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động khám nghiệm phải bảo đảm các nội dung sau:

Hoạt động khám nghiệm hiện trường phải có tính khách quan: Cụ thể khi tổ chức hoạt động khám nghiệm hiện trường phải có người chứng kiến (có thể là đại diện chính quyền địa phương, đại diện các tổ chức, đoàn thể đóng trên địa bàn khám nghiệm hoặc người dân ở địa bàn đó hoặc trong trường hợp nhất định có sự chứng kiến của bị can, người bị hại, người làm chứng), hơn nữa xem xét CQĐT đã mời những người có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực cụ thể để tham gia việc khám nghiệm hay chưa, ví dụ

như: cán bộ kỹ thuật hình sự, bác sĩ pháp y...Ngoài ra, khi tiến hành hoạt động khám nghiệm phải tuân theo đúng ý kiến của người có chuyên môn, ĐTV không được áp đặt ý kiến của mình cho nhà chuyên môn tham gia khám nghiệm, nếu có hiện tượng ĐTV áp đặt ý kiến thì KSV phải có yêu cầu chấm dứt ngay.

Hoạt động khám nghiệm hiện trường phải toàn diện: Hiện trường sau khi tội phạm đã xảy ra có thể để lại nhiều dấu vết, thậm chí là có cả vật chứng liên quan đến vụ án, đặc biệt trong các vụ án nghiêm trọng, như vụ án giết người chưa xác định rõ đối tượng phạm tội thì các dấu vết, vật chứng tại hiện trường có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc chứng minh người phạm tội. Do vậy, đòi hỏi ĐTV cũng như KSV tham gia giám sát phải có kinh nghiệm và nghiệp vụ giỏi để đề ra những giả thuyết điều tra đúng đắn từ đó định ra hướng khám xét, tìm kiếm dấu vết và vật chứng của vụ án được đầy đủ và chính xác, tức là cần bắt đầu khám nghiệm từ đâu, cần chú ý những gì và cần phải tìm kiếm những dấu vết gì...với định hướng đó mới đảm bảo tính toàn diện trong hoạt động khám nghiệm, mục đích của hoạt động khám nghiệm đặt ra là không bỏ qua bất kỳ dấu vết và vật chứng nào liên quan đến vụ án cho dù dấu vết hay vật chứng đó là nhỏ nhất. Bởi vì, có thể lúc khám xét những dấu vết hay vật chứng đó chưa quan trọng, nhưng sau này có thể đối chiếu và liên kết với các dấu vết, vật chứng khác đánh giá sự liên hệ với nhau của từng dấu vết chúng ta có thể có được sự đánh giá toàn diện về vụ án và đưa ra chứng cứ chắc chắn để chứng minh tội phạm và người phạm tội. Do vậy, KSV khi tham gia kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường cần quan tâm và chú trọng tính toàn diện của hoạt động khám nghiệm, vì nếu để xảy ra việc khám nghiệm sơ sài, qua loa với mục đích cho xong việc sẽ dẫn đến những khó khăn cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và sau này nếu có tổ chức khám nghiệm lại thì hiện trường của vụ án qua một thời gian dài do tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan có thể bị thay đổi, biến dạng so với ban đầu nên rất khó khăn cho hoạt động khám nghiệm lại.

Thứ hai, Kiểm sát việc khám xét.

Khoản 2, Điều 23 BLTTHS quy định: VKS kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS có trách nhiệm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật của các cơ quan THTT, người THTT và người tham gia tố tụng, áp dụng những biện pháp do BLTTHS quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của những cơ quan hoặc cá nhân này. Theo quy định tại các

khoản 1, 2 Điều 141 BLTTHS thì lệnh khám xét của những người được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 80 BLTTHS là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT phải được VKS cùng cấp phê chuẩn. Trong trường hợp không thể trì hoãn, những người được quy định tại khoản 2 Điều 81 BLTTHS như: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT các cấp, người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương, người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo, biên giới; người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển rời khỏi sân bay, bến cảng có quyền ra lệnh khám xét. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi khám xong, người ra lệnh khám phải thông báo bằng văn bản cho VKS cùng cấp.

Khám xét là một trong những biện pháp tố tụng hình sự có ý nghĩa quan trọng giúp cho các cơ quan THTT phát hiện, thu thập các tài liệu, vật chứng... để chứng minh tội phạm và người phạm tội. Tuy nhiên, nếu áp dụng không đúng có thể sẽ gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra, xử lý vụ án. Do vậy, khi kiểm sát việc khám xét, KSV phải yêu cầu ĐTV và những người tham gia khám xét chấp hành đúng các quy định tại các điều 140, 141, 142, 143 và 148 BLTTHS và các quy định của pháp luật có liên quan. Đối với những trường hợp CQĐT đề nghị phê chuẩn lệnh khám người, khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm thì KSV phải kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của các lệnh này và báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng xử lý như sau: Nếu việc đề nghị phê chuẩn của CQĐT có đủ căn cứ thì ra quyết định phê chuẩn; nếu đề nghị phê chuẩn của CQĐT không có căn cứ thì ra quyết định không phê chuẩn và nêu rõ lý do.

Đối với những trường hợp không thể trì hoãn, lệnh khám xét không có sự phê chuẩn của VKS trước khi thi hành thì ngay sau khi nhận được văn bản thông báo về việc khám xét, KSV phải kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của các lệnh, biên bản khám xét để kịp thời phát hiện vi phạm, báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng có văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục. BLTTHS không quy định bắt buộc KSV phải có mặt khi CQĐT thi hành lệnh khám xét. Nhưng trong trường hợp cần thiết thì KSV có thể trực tiếp tham gia kiểm sát việc khám xét. Nếu KSV trực tiếp tham gia kiểm sát việc khám xét, Kiểm sát viên cần chú ý những nội dung sau: Có kế hoạch cụ thể kiểm sát việc khám xét dựa trên cơ sở kết quả điều tra vụ án về những chứng cứ, tài liệu CQĐT đã thu thập được và kế hoạch khám xét của CQĐT. Từ đó đề ra các yêu cầu cho việc khám xét, định hướng cho cuộc khám xét, xác định được mục đích cuộc khám xét, dự kiến những tình huống có thể xảy ra khi tiến hành

việc khám xét.

Phải kiểm sát chặt chẽ về hình thức của lệnh khám xét, ngày, giờ thi hành lệnh khám xét? Thẩm quyền ký lệnh khám xét, lệnh khám xét có được VKS phê chuẩn không (đối với những trường hợp bắt buộc phải có phê chuẩn của VKS) Thành phần tham gia khám xét có đúng và đầy đủ không? Việc khám xét có cần thiết không? Khám xét nhằm mục đích gì? Phương pháp tiến hành khám xét như thế nào?...từ đó đề ra yêu cầu, định hướng để việc khám xét đạt kết quả.

Quá trình kiểm sát hoạt động khám xét của CQĐT, KSV phải giám sát chặt chẽ mọi biến động phát sinh tại nơi khám xét, từ thao tác của những người tham gia khám xét, đến thái độ tâm lý của người bị khám xét...cần phải dự kiến tình huống người bị khám xét có hành động không hợp tác, gây khó khăn, cản trở hoạt động khám xét, để yêu cầu CQĐT có kế hoạch xử lý khi cần thiết. KSV phải giám sát chặt chẽ quá trình thu thập, bảo quản, niêm phong tài liệu, vật chứng, việc lập biên bản khám xét, bảo đảm việc khám xét tuân thủ đúng các quy định của pháp luật của CQĐT.

Khi kiểm sát việc khám xét, cần chú ý việc khám xét phải tuân thủ những quy định sau: Khi khám người thì nam khám nam, nữ khám nữ và phải có người cùng giới chứng kiến; Khi khám chỗ ở, địa điểm phải có mặt người chủ nhà, có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người láng giềng chứng kiến; trong trường hợp đương sự và người trong gia đình họ cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc đi vắng lâu ngày mà việc khám xét không thể trì hoãn thì việc khám xét phải có đại diện chính quyền địa phương và hai người láng giềng chứng kiến; Không được khám chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản; Khi khám chỗ làm việc của một người thì phải có mặt người đó, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản. Việc khám chỗ làm việc phải có đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến; Nếu qua kiểm sát việc khám xét thấy có căn cứ cần phải khám xét khẩn cấp người khác, chỗ ở, địa điểm khác... mà CQĐT không tiến hành hoặc chậm tiến hành thì KSV có ý kiến với CQĐT để tiến hành ngay. Nếu CQĐT không thực hiện thì phải báo cáo ngay với Viện trưởng, Phó Viện trưởng có văn bản yêu cầu CQĐT thực hiện.

Thứ ba, Kiểm sát việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện.

Theo quy định tại Điều 144 BLTTHS thì lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu

phẩm tại bưu điện của CQĐT phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành, trừ trường hợp không thể trì hoãn nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản, sau khi thu giữ phải thông báo ngay cho VKS cùng cấp biết.

Khi kiểm sát việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, KSV phải yêu cầu ĐTV chấp hành đúng các quy định tại các Điều 144, 147 và 148 BLTTHS và các quy định pháp luật có liên quan. Đối với những trường hợp CQĐT đề nghị phê chuẩn lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện thì KSV phải kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của các lệnh do CQĐT ban hành và báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng đề quyết định như sau: Nếu đề nghị phê chuẩn của CQĐT có đủ căn cứ thì ra quyết định phê chuẩn; Nếu đề nghị phê chuẩn của CQĐT không có căn cứ thì ra quyết định không phê chuẩn và nêu rõ lý do; Đối với những trường hợp không thể trì hoãn, lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện không có sự phê chuẩn của VKS, thì ngay sau khi nhận được văn bản thông báo việc thu giữ, KSV phải kiểm tra ngay tính có căn cứ, tính hợp pháp của các lệnh để kịp thời phát hiện vi phạm, báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng có văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục, theo dõi và kiểm tra việc bảo quản thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan được quy định tại Điều 147 BLTTHS. Khi kiểm sát hoạt động thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện thì KSV phải yêu cầu người thi hành lệnh thu giữ thực hiện đúng các yêu cầu sau: Thông báo trước cho người phụ trách bưu điện biết để họ giúp đỡ, tạo điều kiện cho việc thi hành lệnh thu giữ; Xác định chính xác về số lượng, nội dung hay đồ vật trong thư tín, bưu kiện, bưu phẩm cần thu giữ; Khi thu giữ phải lập biên bản; phải có đại diện của cơ quan bưu điện chứng kiến và ký xác nhận nội dung biên bản được quy định tại các Điều 75, 76, 95 BLTTHS; nội dung biên bản phải ghi nhận đầy đủ số lượng, hình dáng đồ vật thu giữ, người gửi, người nhận, nơi gửi... ; thông báo cho người có thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ biết, trừ những trường hợp việc thông báo đó gây cản trở cho hoạt động điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, cơ quan ra lệnh thu giữ phải thông báo ngay.

Thứ tư, Kiểm sát việc tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét.

Khi kiểm sát việc tạm giữ đồ vật, tài liệu, KSV yêu cầu ĐTV chấp hành đúng các quy định tại các Điều 145, 147 và 148 BLTTHS và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Khi tiến hành kiểm sát việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu trong khi khám xét, KSV

cần đặc biệt chú ý các nội dung sau: Chỉ được tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án; đối với đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết phải niêm phong thì phải tiến hành trước mặt chủ đồ vật hoặc đại diện gia đình, đại diện chính quyền và người chứng kiến; Việc tạm giữ đồ vật, tài liệu khi tiến hành khám xét phải được lập biên bản. Biên bản phải thể hiện rõ số lượng, chủng loại, trọng lượng, màu sắc, kích cỡ... của đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; đồ vật, tài liệu bị tạm giữ khi khám xét phải được bảo quản nguyên vẹn. KSV phải kiểm sát chặt chẽ trình tự, thủ tục, thành phần tiến hành niêm phong đối với những đồ vật, tài liệu khi thấy cần thiết, phải theo đúng quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo cho những đồ vật, tài liệu đó không bị hư hỏng, mất mát hoặc bị đổi chác, đánh tráo...

Thứ năm, Kiểm sát việc kê biên tài sản.

Điều 146, khoản 1 BLTTHS quy định: Lệnh kê biên của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT phải được thông báo ngay cho VKS cùng cấp trước khi thi hành. Khi kiểm sát việc kê biên tài sản, KSV cần chú ý các nội dung sau: Việc kê biên tài sản chỉ áp dụng đối với bị can về tội mà BLHS quy định có thể tịch thu tài sản hoặc phạt tiền cũng như đối với người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; Chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại; Tài sản bị kê biên được giao cho chủ tài sản hoặc người thân thích của họ bảo quản; Khi tiến hành kê biên tài sản, phải có mặt đương sự hoặc người đã thành niên trong gia đình, đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người láng giềng chứng kiến; Người tiến hành kê biên phải lập biên bản, ghi rõ tên và tình trạng từng tài sản bị kê biên. Biên bản phải lập theo quy định tại Điều 95, 125 của BLTTHS, đọc cho đương sự và những người có mặt nghe và cùng ký tên. Những khiếu nại của đương sự được ghi vào biên bản, có chữ ký xác nhận của họ và của người tiến hành kê biên và phải được lập thành biên bản kê biên; Khi thấy việc kê biên không còn cần thiết mà Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT không ra quyết định huỷ bỏ lệnh kê biên thì KSV báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng có văn bản yêu cầu Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT ra quyết định huỷ bỏ việc kê biên tài sản.

Thứ sáu, Kiểm sát việc trưng cầu giám định.

Trong điều tra vụ án hình sự đặc biệt là về các tội phạm ma túy công tác giám định có

ý nghĩa to lớn. Vì vậy, công tác giám định nói chung, giám định về ma túy nói riêng phải tuân theo những quy định của pháp luật từ khâu thu mẫu, niêm phong, đóng gói, giám định sơ bộ đến việc giám định tỉ mỉ giám định lại. Trong công tác giám định VKS phải kiểm sát các vấn đề sau:

Một là, tính hợp pháp của trung cầu giám định như thẩm quyền ra quyết định trung cầu giám định, hình thức và nội dung quyết định CQĐT có nghĩa vụ tạo điều kiện cần thiết cho việc giám định như: cung cấp tài liệu, đồ vật liên quan tới việc giám định, cho kết luận giám định, tạo điều kiện cho giám định viên tham dự vào các cuộc hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng và đặt câu hỏi liên quan đến việc giám định, nếu giám định viên có yêu cầu. CQĐT có trách nhiệm phải đáp ứng yêu cầu của Giám định viên.

Hai là, tính khách quan của kết luận giám định, khi có những trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 60 BLTTHS 2003 thì người giám định phải từ chối tham gia giám định. Kết luận giám định phải có đầy đủ thông tin như: Họ, tên, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn của giám định viên; Họ tên của những người tham gia giám định; thời gian, địa điểm tiến hành giám định; Những dấu vết, đồ vật, tài liệu và tất cả những gì đã được giám định; Phương pháp giám định, ý kiến khác nhau của các thành viên trong Hội đồng giám định.

Ba là, năng lực chuyên môn của người giám định. Người giám định phải là người có kiến thức cần thiết về lĩnh vực cần được giám định và năng lực chuyên môn được thể hiện qua bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm công tác của họ (Điều 60; 73 BLTTHS)

1.2.5. Kiểm sát việc hỏi cung bị can, lấy lời khai của những người tham gia tố tụng.

Kiểm sát việc hỏi cung bị can: Hỏi cung bị can là một hoạt động tố tụng quan trọng, do đó, KSV cần chủ động ngay từ đầu cùng ĐTV trao đổi, bàn bạc, lập kế hoạch hỏi cung bị can, đề ra yêu cầu hỏi cung bị can, đặc biệt là các yêu cầu hỏi cung bị can để làm rõ những vấn đề liên quan đến tội phạm đã bị khởi tố. KSV phải yêu cầu ĐTV hỏi cả về những chứng cứ xác định bị can phạm tội và chứng cứ xác định bị can vô tội, làm sáng tỏ những mâu thuẫn trong lời khai của bị can. Nếu vụ án có nhiều bị can, thì việc hỏi cung bị can phải

được tiến hành riêng đối với từng người một, không để các bị can khác có mặt nghe lời khai của bị can đang được hỏi cung, nhằm tránh trường hợp thông cung hoặc có tác động, ảnh hưởng giữa các bị can với nhau. KSV kiểm sát việc hỏi cung bằng các hình thức sau:

Một là, Kiểm sát trực tiếp việc hỏi cung bị can.

Sau khi CQĐT ra quyết định khởi tố bị can, trong một số trường hợp cần thiết, KSV có thể tham gia vào việc hỏi cung bị can của ĐTV nhằm tạo thêm cơ sở cho KSV trong việc nghiên cứu, xem xét việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT. Để kiểm sát trực tiếp việc hỏi cung có hiệu quả, trước khi tham gia, KSV phải nghiên cứu hồ sơ, nắm chắc nội dung vụ việc và trao đổi, thống nhất với ĐTV về kế hoạch, các yêu cầu đối với việc hỏi cung bị can.

Khi tham gia hỏi cung, KSV cần chú ý cách đặt câu hỏi của ĐTV, tránh mớm cung, dụ cung, nghe bị can trả lời để phát hiện những tình tiết mới, những điểm chưa rõ để yêu cầu ĐTV tiếp tục hỏi. Quá trình kiểm sát, KSV ghi lại những tình tiết có giá trị chứng minh, những tình tiết mới làm cơ sở đề ra yêu cầu điều tra, kiểm tra biên bản hỏi cung. Khi hỏi cung yêu cầu ĐTV đảm bảo, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của bị can. KSV yêu cầu ĐTV đọc lại biên bản hoặc cho bị can tự đọc và ký vào biên bản. Nếu thấy có những nội dung ghi chưa đúng, chưa đầy đủ thì KSV yêu cầu ĐTV sửa chữa, bổ sung và cho bị can ký xác nhận.

Trong quá trình kiểm sát điều tra vụ án, KSV có thể trực tiếp gặp, hỏi cung bị can khi có đề nghị của CQĐT hoặc thấy bị can kêu oan, lời khai của bị can trước và sau không thống nhất, lúc nhận tội, lúc chối tội, bị can khiếu nại về việc điều tra; có căn cứ để nghi ngờ về tính xác thực trong lời khai bị can hoặc trường hợp bị can bị khởi tố về tội đặc biệt nghiêm trọng. Trước khi hỏi cung, KSV phải báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng để xin ý kiến chỉ đạo và thông báo trước cho ĐTV biết. Sau khi kết thúc điều tra, nhận hồ sơ vụ án từ CQĐT chuyển sang, KSV có thể trực tiếp hỏi cung bị can để kiểm tra tài liệu, chứng cứ để củng cố hồ sơ, chứng cứ, làm cơ sở để KSV khi báo cáo, đề xuất quyết định việc truy tố.

Hai là, Kiểm sát gián tiếp việc hỏi cung bị can.

Đây là hoạt động kiểm sát việc hỏi cung thông qua biên bản hỏi cung và cũng là hình thức phổ biến trong hoạt động kiểm sát việc hỏi cung của KSV. Khi tiến hành kiểm sát các biên bản hỏi cung bị can, KSV yêu cầu ĐTV cung cấp đầy đủ các biên bản hỏi cung và các

tài liệu khác đã thu thập được liên quan đến việc hỏi cung bị can. Khi đọc, nghiên cứu các biên bản hỏi cung, KSV phải kiểm tra hình thức biên bản hỏi cung có đúng với các quy định của BLTTHS hay không; nội dung việc hỏi cung của ĐTV có làm rõ được các yếu tố cấu thành tội phạm và các tình tiết khác của vụ án không.

Sau khi nghiên cứu làm rõ các vấn đề trên, KSV phải tiến hành phân tích, đối chiếu, so sánh với các tài liệu khác có trong hồ sơ để xác định tính có căn cứ và sự phù hợp của các lời khai đó. Xác định việc hỏi cung có dụ cung, mớm cung, bức cung, dùng nhục hình hay không. KSV phải kiểm sát việc chấp hành các thủ tục tố tụng về việc hỏi cung bị can của ĐTV như: Trước khi tiến hành hỏi cung bị can, ĐTV phải giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị can, không được hỏi cung vào ban đêm (trừ trường hợp không thể trì hoãn ...KSV phải chú ý đến việc các biên bản hỏi cung bị can, để đảm bảo các biên bản hỏi cung được thực hiện đúng các quy định của BLTTHS, nội dung biên bản hỏi cung phải phản ánh đúng những câu hỏi của ĐTV, lời khai của bị can, tránh tình trạng làm sai lệch nội dung, kết quả hỏi cung như sửa chữa, thêm bớt nội dung biên bản...xem xét từng chữ ký trong biên bản, những chỗ có sửa chữa, thêm bớt nội dung của biên bản hỏi cung phải có chữ ký xác nhận của bị can và những người tham gia hỏi cung... Khi phát hiện có vi phạm, tùy từng mức độ, KSV có thể có ý kiến với ĐTV hoặc báo cáo, đề xuất với lãnh đạo VKS cho ý kiến chỉ đạo để có biện pháp xử lý thích hợp.

Ngoài ra, trong những vụ án mà người phạm tội là người chưa thành niên thì VKS phải kiểm sát bảo đảm việc tiến hành hoạt động hỏi cung bị can phải có mặt người giám hộ tham gia. Đây là quy định bắt buộc nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người chưa thành niên phạm tội.

Tóm lại, kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can phải bảo đảm được ba yếu tố, đó là khách quan, trung thực và đúng pháp luật. Kết quả lời khai của bị can phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án đã thu thập được thì được coi là chứng cứ. Nếu lời khai của bị can không trung thực, không khách quan thì lời khai đó không có giá trị chứng minh tội phạm, dẫn đến việc kết luận, giải quyết vụ án không khách quan. Chính vì vậy, việc thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can của VKS là rất quan trọng, góp phần vào việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội một cách đúng đắn và khách quan.

1.2.6. Kiểm sát việc đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra

Đối chất, nhận dạng và thực nghiệm điều tra là những hoạt động điều tra quan trọng và cần thiết nhằm giải quyết những mâu thuẫn trong các lời khai của những người tham gia tố tụng hoặc để xác định người, vật, ảnh của một người nào đó liên quan tới vụ án. Để góp phần làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án. Trong quá trình điều tra việc nhận dạng, đối chất và thực nghiệm điều tra là rất quan trọng.

Kiểm sát việc nhận dạng: Trong quá trình KSĐT vụ án hình sự, nếu thấy cần thiết phải nhận dạng người hay đồ vật, KSV yêu cầu ĐTV tiến hành việc nhận dạng. KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc nhận dạng, bảo đảm hoạt động nhận dạng được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 139 BLTTHS. Sau khi kết thúc điều tra, VKS đã nhận hồ sơ vụ án, nếu thấy cần phải nhận dạng thì VKS có văn bản yêu cầu CQĐT tiến hành việc nhận dạng. Trong quá trình KSĐT vụ án nếu phát hiện thấy việc nhận dạng của CQĐT có vi phạm, thì tùy từng trường hợp cụ thể, KSV có thể yêu cầu ĐTV khắc phục hoặc báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc Kiểm sát viên ra văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục.

Kiểm sát việc đối chất: Trong quá trình KSĐT vụ án hình sự, nếu thấy có mâu thuẫn trong lời khai giữa bị can, người bị hại, người làm chứng, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, KSV yêu cầu ĐTV tiến hành việc đối chất. KSV kiểm sát chặt chẽ việc đối chất nhằm bảo đảm cho hoạt động đối chất của ĐTV được thực hiện theo các quy định tại Điều 138 BLTTHS. KSV có thể trực tiếp hoặc phối hợp cùng ĐTV tiến hành việc đối chất. Trong trường hợp KSV trực tiếp tiến hành đối chất, thì thông báo trước cho ĐTV biết. Nếu KSV phát hiện thấy việc tiến hành đối chất của CQĐT có vi phạm, thì tùy từng trường hợp cụ thể, KSV có thể yêu cầu ĐTV khắc phục hoặc báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng có văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục.

Sau khi kết thúc điều tra, VKS đã nhận hồ sơ vụ án, nếu thấy có mâu thuẫn trong lời khai của những người tham gia tố tụng thì KSV có thể tiến hành đối chất để làm rõ mà không phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung. Việc đối chất và lập biên bản đối chất do KSV tiến hành phải được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 138 BLTTHS. Biên bản đối chất phải được đưa vào hồ sơ vụ án và sao, lưu hồ sơ kiểm sát một bản.

Kiểm sát việc thực nghiệm điều tra: Đối với những vụ án cần thực nghiệm điều tra để kiểm tra và xác minh thêm về những tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án thì KSV yêu cầu ĐTV

thực nghiệm điều tra. Khi kiểm sát việc thực nghiệm điều tra, KSV cần nghiên cứu nội dung, kế hoạch thực nghiệm điều tra, kiểm sát việc thực nghiệm điều tra nhằm bảo đảm việc thực nghiệm điều tra và lập biên bản thực nghiệm điều tra phải tuân thủ đúng các quy định tại Điều 153 và Điều 154 BLTTHS. KSV có thể trực tiếp hoặc cùng ĐTV tiến hành việc thực nghiệm điều tra. Khi tiến hành thực nghiệm điều tra, KSV phải thông báo trước cho ĐTV biết để có thể cùng phối hợp.

Sau khi kết thúc điều tra, VKS đã nhận hồ sơ vụ án, qua nghiên cứu xét thấy cần phải thực nghiệm điều tra hoặc thực nghiệm điều tra lại để kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm làm rõ các tình tiết của vụ án thì KSV báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng trả hồ sơ cho CQĐT để thực nghiệm điều tra hoặc thực nghiệm điều tra lại. Trường hợp thực nghiệm điều tra hoặc thực nghiệm điều tra lại đối với hành vi, tình huống đơn giản thì Viện trưởng, Phó Viện trưởng tổ chức việc thực nghiệm điều tra. Việc thực nghiệm điều tra và lập biên bản thực nghiệm điều tra của VKS phải tuân thủ các quy định tại Điều 153 và Điều 154 BLTTHS. Biên bản thực nghiệm điều tra phải được đưa vào hồ sơ vụ án và sao lưu hồ sơ kiểm sát một bản. Qua hoạt động kiểm sát việc thực nghiệm điều tra, nếu phát hiện thấy ĐTV không thực hiện đúng yêu cầu hoặc có vi phạm pháp luật thì KSV phải kịp thời báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng có văn bản yêu cầu CQĐT khắc phục.

1.2.7. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

Các biện pháp ngăn chặn là các biện pháp cưỡng chế về TTHS nhằm hạn chế các quyền thuộc về nhân thân của công dân trong một thời hạn do pháp luật quy định. Trong quá trình điều tra vụ án hình sự, căn cứ vào kết quả điều tra, điều kiện và sự ăn năn hối cải của bị can mà cơ quan ra quyết định áp dụng có quyền hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn khi thấy không cần thiết nữa. Tuy nhiên, việc hủy bỏ, thay thế biện pháp ngăn chặn đều được VKS kiểm sát chặt chẽ, nhất là những biện pháp ngăn chặn do VKS phê chuẩn thì muốn thay đổi hoặc hủy bỏ thì phải được VKS quyết định. Điều 125 BLTTHS quy định: *"Đối với những biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn trong giai đoạn điều tra thì việc hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác phải do Viện kiểm sát quyết định"*.

Vậy đối với các biện pháp ngăn chặn như: Tạm giữ, tạm giam...CQĐT muốn hủy bỏ hoặc thay thế thì phải có công văn đề nghị VKS quyết định, nếu CQĐT tự quyết định hủy bỏ, thay thế thì quyết định đó là vi phạm pháp luật. Để thực hiện chức năng kiểm sát việc áp

dụng, thay thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, VKS phải thực hiện hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thông qua đó nắm được rõ các tình tiết, cũng như tính phức tạp của từng vụ án để khi CQĐT có đề nghị áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn thì VKS đã nắm được nội dung vụ án và các vấn đề liên quan đến việc áp dụng biện pháp ngăn chặn như nhân thân, độ tuổi... của người phạm tội, từ đó tạo cơ sở cho hoạt động kiểm sát việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn được chính xác, có căn cứ đúng pháp luật.

Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn là kiểm sát lệnh bắt tạm giữ, lệnh tạm giam, lệnh bắt bị can để tạm giam...bao gồm các vấn đề sau: kiểm tra xem người ra lệnh bắt tạm giữ, tạm giam có đúng thẩm quyền hay không?; Kiểm tra những thông tin cá nhân như, họ, tên, tuổi địa chỉ... của người bị bắt tạm giữ, tạm giam, lệnh bắt bị can để tạm giam có đúng và thống nhất với quyết định khởi tố bị can không?; Kiểm tra thời hạn tạm giam ghi trong quyết định có đúng với khoản 1 Điều 120 BLTTHS không KSV phải căn cứ vào điều, khoản của BLHS mà bị can đã bị khởi tố để xác định thời hạn tạm giam cho phù hợp.

Đối với việc thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, bằng biện pháp ngăn chặn khác như: Biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Biện pháp bảo lãnh; Biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm...KSV cần kiểm tra các căn cứ và điều kiện được quy định trong BLTTHS. Việc thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn khác, các căn cứ và điều kiện để trả tự do cho bị can trước khi hết hạn tạm giam là không còn nguy cơ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử khi bị can tại ngoại, không có nguy cơ bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội nếu bị can tại ngoại

1.2.8. Kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án.

Hồ sơ điều tra vụ án hình sự nói chung, vụ án về các tội phạm ma túy nói riêng là toàn bộ những tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra vụ án theo quy định của Bộ luật TTHS, do ĐTV lập để chứng minh hành vi xảy ra là phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có liên quan đến vụ án. Theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Luật tổ chức VKSND năm 2014; Điểm a, khoản 1, Điều 37, khoản 1, Điều 113 BLTTHS; Điều 33, Quy chế 07 thì khi thực hiện công tác KSĐT, VKSND cụ thể là KSV có nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT trực tiếp là ĐTV được phân

công điều tra vụ án là người trực tiếp lập hồ sơ điều tra vụ án. KSV thực hiện việc kiểm sát việc việc lập hồ sơ điều tra vụ án từ khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm và kết thúc khi CQĐT ra bản KLĐT đề nghị truy tố hoặc ra bản KLĐT và Quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra. VKS kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án nhằm đảm bảo cho các tài liệu, chứng cứ được thu thập một cách kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật TTHS để chứng minh hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và làm rõ các tình tiết khác liên quan đến việc giải quyết đúng đắn vụ án. Đồng thời giúp cho KSV bám sát quá trình điều tra, nắm vững hồ sơ vụ án ngay trong quá trình thu thập chứng cứ, kịp thời đưa ra các yêu cầu điều tra và đề xuất việc giải quyết một cách chính xác các vấn đề phát sinh trong quá trình KSĐT vụ án bảo đảm việc điều tra vụ án được tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 33, Quy chế 07 quy định: *“KSV kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án hình sự của ĐTV, bảo đảm từng trang tài liệu trong hồ sơ về bắt khẩn cấp, hồ sơ khởi tố vụ án, hồ sơ khởi tố bị can và các hồ sơ khác trong quá trình điều tra phải được đóng dấu bút lục của CQĐT ... Sau khi kết thúc điều tra, các tài liệu trong hồ sơ vụ án do CQĐT thống nhất đánh số thứ tự một lần và lập bảng thống kê đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ 01 cho đến hết”*. Căn cứ vào những quy định nêu trên, KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ của ĐTV. Tất cả các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra phải được đưa vào hồ sơ vụ án. Đây là một yêu cầu có tính chất nguyên tắc. Khi kết thúc điều tra thì các tài liệu phải được đánh số bút lục một cách thống nhất một lần và theo đúng thứ tự, đồng thời phải có bảng kê tài liệu với đầy đủ tên và số trang tài liệu.

Như vậy, hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ điều tra vụ án hình sự của VKSND vừa mang tính phối hợp vừa đảm bảo tính chế ước giữa hai cơ quan THTT nhằm bảo đảm việc điều tra vụ án đúng quy định của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

1.3. Phân biệt thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và kiểm sát điều tra

Trên thực tế, Kiểm sát điều tra các vụ án hình sự và thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra luôn có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó hữu cơ và biện chứng với nhau, nhiệm vụ của hoạt động này làm tiền đề cho nhiệm vụ của hoạt động kia và ngược lại, kết quả của hoạt động này là cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động kia và ngược lại. Mối quan hệ biện chứng giữa hai hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra

các vụ án hình sự chỉ song song tồn tại trong phạm vi bắt đầu từ khi khởi tố vụ án hình sự cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị.

Tuy nhiên, xét về bản chất, hai hoạt động này có sự khác nhau đó là: Trong hoạt động điều tra vụ án hình sự, thực hành quyền công tố là việc VKS thực hiện các biện pháp pháp luật và trực tiếp quyết định các vấn đề về tố tụng trong hoạt động điều tra nhằm mục đích chứng minh tội phạm và người phạm tội cũng như hành vi phạm tội của họ, kết thúc giai đoạn này hoặc là truy tố người phạm tội ra trước Tòa án hoặc là đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật (khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn, không phê chuẩn hoặc huỷ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn của CQĐT; quyết định truy tố bị can hoặc đình chỉ vụ án, bị can...). Như vậy, xét về đối tượng của hai hoạt động này có sự khác nhau, với ý nghĩa là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý nhằm mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, truy tố họ ra trước Tòa án để xét xử, đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là tội phạm và người phạm tội. Còn đối tượng của công tác kiểm sát điều tra là việc tuân theo pháp luật của cơ quan điều tra, cơ quan được giao một số nhiệm vụ điều tra, những người có thẩm quyền trong điều tra và những người tham gia tố tụng khác.

Như vậy, có thể thấy về bản chất hai hoạt động này hoàn toàn độc lập về chức năng và đối tượng nhưng lại có tác động qua lại lẫn nhau. Nếu làm tốt nhiệm vụ thực hành quyền công tố sẽ hỗ trợ đắc lực cho hoạt động kiểm sát điều tra thực hiện vai trò của. Như vậy, hoạt động THQCT và KSĐT tuy hai nhưng là một, hai hoạt động này phải được tiến hành song song và hỗ trợ lẫn nhau nhằm không để bất kỳ người nào bị bắt giữ, khởi tố trái pháp luật, không để lọt tội và không làm oan người vô tội, đảm bảo cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội phải đúng pháp luật và có căn cứ, việc điều tra được tiến hành một cách khách quan, toàn diện, chính xác và đúng pháp luật; những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra được phát hiện và khắc phục kịp thời.

1.4. Mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng

VKS và CQĐT, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là các cơ quan thuộc hệ thống cơ quan nhà nước khác nhau,

độc lập với nhau. Mỗi cơ quan đều có chức năng, nhiệm vụ riêng của mình để thực thi quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, trong lĩnh vực hình sự, các cơ quan này đều có chung một nhiệm vụ và mục đích là đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và bảo đảm an toàn xã hội. Mỗi quan hệ giữa các cơ quan này trong việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can là đều phải có trách nhiệm bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện, khởi tố điều tra một cách nghiêm minh, kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân phải được tôn trọng.

Chính từ mục đích chung này đã gắn kết VKS và CQĐT trong quá trình điều tra. Để giải quyết mối quan hệ trên trong tố tụng hình sự, pháp luật đã quy định cụ thể, rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cơ quan trong từng giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố tội phạm và người phạm tội. Mỗi quan hệ đó vừa mang tính quyết định - chấp hành vừa mang tính phối hợp trong hoạt động TTHS.

1.5. Một số tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động kiểm sát điều tra các vụ

Theo từ điển tiếng Việt chất lượng là *“cái tạo nên phẩm chất, giá trị của con người, sự vật, sự việc”*. Dưới góc độ triết học, chất lượng của sự vật, hiện tượng là một phạm trù biểu thị thuộc tính bản chất của sự vật chỉ rõ nó là cái gì; tính ổn định hướng tới của sự vật, phân biệt nó với sự vật khác; chất lượng là đặc tính khách quan của sự vật. Hoạt động KSĐT các vụ án hình sự của VKSND nói chung và KSĐT đối với các vụ án về ma túy nói riêng là hoạt động có mục đích, được thực hiện theo những yêu cầu cụ thể. Vì vậy nói đến chất lượng của hoạt động này không thể nói đến mức độ đạt được các yêu cầu đề ra đối với hoạt động này.

Do hoạt động KSĐT vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng của VKS là tập hợp các hoạt động (các bước, các thủ tục tố tụng cụ thể) sử dụng các quyền năng tố tụng mà pháp luật quy định cho VKS/KSV trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng. Vì vậy để hoạt động KSĐT vụ án hình sự của VKS có chất lượng tốt, trước hết đòi hỏi việc sử dụng các quyền năng pháp lý thuộc thẩm quyền của VKS/KSV khi KSĐT vụ án hình sự nói chung, án về ma túy nói riêng phải có chất lượng.

Vì vậy, những tiêu chí đánh giá chất lượng KSĐT các vụ án hình sự nói chung, án về ma túy nói riêng trước hết là các tiêu chí đánh giá chất lượng hiệu quả sử dụng quyền năng pháp lý của VKSND và KSV (cũng có thể coi đây là những yêu cầu đối với việc sử dụng quyền năng pháp lý của VKSND và KSV) các tiêu chí này bao gồm: Thực hiện các hoạt động tố tụng đúng thẩm quyền, đúng thời hạn và bảo đảm căn cứ theo quy định của pháp luật TTHS; Thực hiện các hoạt động tố tụng kịp thời; thực hiện các hoạt động tố tụng hợp lý và hiệu quả; thực hiện các hoạt động tố tụng chính xác, khách quan, toàn diện.

Tuy nhiên nếu đặt ra yêu cầu thống kê, đánh giá chất lượng đối với mỗi “hành vi” tố tụng của VKSND và KSV như nêu trên là không khả thi. Mặt khác, tổng hợp kết quả (hay chất lượng) của mỗi hoạt động thực hiện quyền năng pháp lý của VKSND và KSV sẽ tạo nên kết quả (hay chất lượng) hoạt động KSĐT đối với vụ án hình sự đó. Vì vậy, chúng tôi cho rằng những tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động KSĐT vụ án hình sự nói chung, hoạt động KSĐT vụ án về ma túy nói riêng của VKSND bao gồm những tiêu chí cơ bản đánh giá kết quả hoạt động KSĐT các vụ án hình sự của VKSND được nêu trong Hướng dẫn số 17/HD-VKSTC ngày 13/6/2012 của VKSND tối cao là phù hợp. Hoạt động KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng chỉ được coi là có chất lượng tốt khi công tác này đạt và vượt các chỉ tiêu (tiêu chí) sau đây:

Thứ nhất, Chỉ tiêu về tiến độ giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố: cần giải quyết xong ít nhất 70% số tố giác tin báo về tội phạm mà CQĐT đã thụ lý; số tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố quá hạn giải quyết không quá 20% số tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố chưa giải quyết.

Thứ hai, Chỉ tiêu về tỷ lệ số người bị bắt, tạm giữ về hình sự chuyển khởi tố: chỉ tiêu này cần phải đạt từ 95 % trở lên.

Thứ ba, Chỉ tiêu về tiến độ giải quyết án: cần đạt tỷ lệ từ 90 % trở lên, các vụ án hoàn thành điều tra, kết thúc điều tra đúng đúng thời thời hạn.

Thứ tư, Chỉ tiêu về xử lý án còn lại của năm trước chuyển sang: án còn lại của năm trước cần giải quyết xong chậm nhất là hết quý II đối với VKS cấp huyện, VKS cấp tỉnh và quý II đối với VKSNDTC.

Thứ năm, Chỉ tiêu về trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng: VKS trả hồ sơ cho CQĐT và Tòa án trả hồ sơ cho VKS, VKS trả hồ sơ cho CQĐT, tỷ lệ này chỉ chiếm dưới 6%.

Thứ sáu, Chỉ tiêu về kiến nghị yêu cầu CQĐT, các cơ quan hữu quan khắc phục, phòng người vi phạm. Nhìn chung tình trạng vi phạm trong hoạt động điều tra cũng như tình trạng sơ hở trong công tác quản lý của các cơ quan, tổ chức dẫn đến dễ xảy ra vi phạm VKS phát hiện trong quá trình KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng là không nhỏ, vì vậy mỗi đơn vị KSĐT trong một năm ít nhất cần ban hành 01 bản kiến nghị và được CQĐT chấp nhận.

Kết luận chương 1

Ở chương 1 của luận văn, tác giả đã tập trung tổng hợp, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về công tác KSĐT về tội phạm nói chung, tội phạm về ma túy nói riêng. Đó là: lập luận, phân tích khái niệm KSĐT, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong công tác KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng; phân tích các nội dung của công tác KSĐT như: Tiếp nhận, xử lý và kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giá tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, kiểm sát việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn...

Tác giả cũng đã làm rõ và phân tích mối quan hệ phối hợp giữa VKS và CQĐT trong hoạt động KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về tội phạm ma túy nói riêng. Đồng thời đưa ra một số tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động KSĐT các vụ án về hình sự nói chung, các vụ án về tội phạm ma túy.

Chương 2

THỰC TIỄN KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Khái quát tình hình và đặc điểm các tội phạm về ma túy tại tỉnh Hải Dương

2.1.1. Một số đặc điểm và tình hình tội phạm về ma túy tại tỉnh Hải Dương

2.1.1.1. Đặc điểm các tội phạm về ma túy

Các tội phạm về ma túy được Nhà nước ta quy định từ rất sớm, nhưng trong từng giai đoạn, căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội cụ thể mà Nhà nước ban hành những văn bản thích hợp, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Tội phạm về ma túy là hành vi cố ý xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Cơ sở pháp lý các tội phạm về ma túy được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 (có hiệu lực từ ngày 1/7/2000), các tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XVII. Ban đầu có 10 điều luật (từ điều 192 đến điều 200) quy định về 10 tội danh khác nhau. Sau khi được sửa đổi, bổ sung (6/2009) còn 9 điều luật quy định về 9 tội danh (Điều 199 về “Tội sử dụng trái phép chất ma túy” đã được bãi bỏ).

Về mặt khách thể của tội phạm: Là sự xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Đối tượng tác động của các tội phạm trong nhóm này là các chất ma túy hoặc các dụng cụ, phương tiện dùng vào vật sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Các chất ma túy là đối tượng của các tội phạm về ma túy bao gồm các chất ma túy theo nghĩa hẹp; các chất hướng thần; các tiền chất ma túy và hướng thần (gọi tắt là các tiền chất ma túy); các cây trồng hoặc nguyên liệu thực vật có chứa chất ma túy.

Ở nước ta việc xác định các chất ma túy, các chất hướng thần và các tiền chất ma túy và hướng thần được dựa trên cơ sở tham khảo các bảng quy định về các chất ma túy và các chất hướng thần của 3 công ước của Liên hiệp quốc về kiểm soát ma túy (Đó là công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961; Công ước về các chất hướng thần năm 1971 và Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất gây nghiện và các chất hướng thần năm 1988).

Điều 2 Luật phòng chống ma túy năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2008) quy định:

“1. *Chất ma túy* là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

2. *Chất gây nghiện* là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

3. *Chất hướng thần* là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

4. *Tiền chất* là các hoá chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành.

5. *Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần* là các loại thuốc chữa bệnh được quy định trong các danh mục do Bộ Y tế ban hành, có chứa các chất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

6. *Cây có chứa chất ma túy* bao gồm cây thuốc phiện (cây anh túc), cây cô ca, cây cần sa hoặc cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định

Về mặt khách quan của tội phạm: Là những hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy. Cấu trúc của các tội phạm ma túy đều có cấu thành tội phạm hình thức. Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm của những tội phạm này. Tội phạm được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan.

Về chủ thể của tội phạm: Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ 16 tuổi trở lên (Trừ Điều 201: Chủ thể là người có trách nhiệm trong việc xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, bảo quản, phân phối, cấp phát, sử dụng các chất ma túy).

Về mặt chủ quan của tội phạm: Được thực hiện với hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Động cơ và mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của các tội này.

Ngày 27/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS gồm 03 phần, 26 chương với 426 điều. Trong đó các tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XX với 13 điều luật từ Điều 247 đến Điều 259 (tăng 04 điều so với BLHS năm 1999). Tuy hiện tại BLHS bị lùi hiệu lực thi hành nhưng ta có thể thấy điểm mới đáng lưu ý đầu tiên là BLHS 2015 đã tách Điều 194 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung 2009 thành 4 tội riêng biệt đó là tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 249; tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 250; tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 251; và tội “Chiếm đoạt chất ma túy” được quy định tại Điều 252. Việc thay đổi này được dựa trên thực tiễn cho thấy việc gộp chung các tội danh trong cùng một điều

luật gặp không ít khó khăn cho các cơ quan THTT, trong việc xác định tội danh và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Thứ hai: Về định lượng các chất ma túy, BLHS năm 2015 đã pháp điển hóa quy định cụ thể, rõ ràng mức tối thiểu đến mức tối đa định lượng các chất ma túy để truy cứu trách nhiệm hình sự trong từng điều luật, đó là các Điều 249, Điều 250, Điều 252; quy định cụ thể việc định lượng các tiền chất, các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy tại các Điều 253 và Điều 254.

Thứ ba: BLHS năm 2015 đã quy định thêm một số chất ma túy nằm trong danh mục các chất ma túy đã được Chính phủ quy định vào các điều luật cụ thể như chất ma túy Methamphetamine, Amphetamine, MDMA...

Thứ tư: BLHS năm 2015 đã có sự thay đổi về thuật ngữ, các vụ án ma túy từ trước đến nay khi thu giữ được vật chứng đều được xác định bằng gam, kilogam,... đây chính là thuật ngữ khối lượng chứ không phải trọng lượng. Vì vậy, BLHS năm 2015 đã thay đổi thuật ngữ từ “trọng lượng” thành “khối lượng” trong các điều luật để đảm bảo tính thống nhất giữa luật và khoa học vật lý.

Thứ năm: Nhằm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về việc “*giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm*”, BLHS năm 2015 đã loại bỏ hình phạt tử hình đối với các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Điều 249) và tội “Chiếm đoạt chất ma túy” (Điều 252), quy định hình phạt cao nhất đối với 02 tội danh này là tù chung thân.

Thứ sáu: BLHS năm 2015 còn quy định hình phạt tiền đối với tất cả 13 điều luật với mức phạt thấp nhất là 5.000.000 đồng (tăng 4 triệu đồng so với BLHS năm 1999) và cao nhất là 500.000.000 đồng

2.1.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Hải Dương

Hải Dương là một tỉnh nằm ở đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta. Với một vị trí vô cùng “đắc địa”, tỉnh Hải Dương nằm ở trung tâm vùng tam giác kinh tế giữa hai thành phố lớn là Hà Nội, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh, có các đường quốc lộ lớn chạy qua như: quốc lộ 5, quốc lộ 18, quốc lộ 37. Phía Tây bắc tỉnh Hải Dương giáp với tỉnh Bắc Ninh, phía bắc giáp với tỉnh Bắc Giang, phía Đông bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình và phía Tây giáp tỉnh Hưng Yên.

Do những đặc thù về vị trí địa lý mà trong những năm gần đây tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương có xu hướng tăng và có những diễn biến hoạt động hết sức phức tạp.

Diện tích tự nhiên của Hải Dương là 1.651 km² (đứng thứ 51/63 tỉnh thành cả nước), địa hình nghiêng, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam theo hướng nghiêng của đồng bằng Bắc Bộ. Với đặc điểm này, Hải Dương được chia làm hai kiểu địa hình, là đồng bằng tích tụ và đồi núi thấp. Địa hình đồi núi thấp phân bố chủ yếu ở phía Bắc, Đông Bắc và chiếm khoảng 15,9% diện tích tự nhiên của tỉnh, bao gồm 13 xã thuộc thị xã Chí Linh và 18 xã thuộc huyện Kinh Môn.

Tỉnh Hải Dương có hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Hệ thống giao thông: gồm đường bộ, đường thủy, đường sắt; Phân bố hợp lý, giao lưu rất thuận lợi tới các tỉnh.

Về kinh tế: Năm 2015, Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 10,5%; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,9%; Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng 13 %. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng 13,5%. Giá trị hàng hoá xuất khẩu ước đạt 420 triệu USD, tăng 73,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, chủ yếu tăng do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (tăng 85,7%). Tổng giá trị nhập khẩu ước đạt 440 triệu USD, tăng 47,9% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay Hải Dương đã quy hoạch 10 khu công nghiệp với tổng diện tích 2.719 ha. Với chính sách thông thoáng, ưu đãi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, với lợi thế vị trí thuận lợi, Hải Dương đã thu hút nhiều nhà đầu tư vào khu công nghiệp.

2.1.1.3. Đặc điểm tình hình tội phạm về ma túy tại tỉnh Hải Dương

Theo thống kê của Công an tỉnh Hải Dương, trên địa bàn tỉnh hiện có 3.445 người nghiện ma túy, tập trung chủ yếu tại thành phố Hải Dương, huyện Kinh Môn, Kim Thành, Gia Lộc... Những tác hại, ảnh hưởng tiêu cực của tệ nạn ma túy mang đến cho xã hội, chính người nghiện và gia đình họ là rất lớn, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, của đất nước, ảnh hưởng không nhỏ tới hạnh phúc gia đình, đạo đức, sức khỏe của người nghiện và tâm lý xã hội. Số vụ án về ma túy và số lượng người phạm tội ngày càng có xu hướng gia tăng. Sự gia tăng này được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.1. Bảng thống kê tội phạm về ma túy từ năm 2012 đến năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Năm	Số vụ án	Số người phạm tội
2012	174	199
2013	167	214
2014	190	216
2015	251	244
2016	254	282
Tổng	1036	1155

(Nguồn: Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hải Dương)

Thông qua bảng 2.1 ta có thể nhận thấy những diễn biến đáng quan ngại về tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay. Đặc biệt là vào năm 2015, với mục tiêu kiên quyết đấu tranh với tội phạm ma túy, Công an tỉnh đã thực hiện tốt công tác bám địa bàn, nắm tình hình, từ đó xác lập, xây dựng kế hoạch triệt phá các vụ án, chuyên án liên quan đến ma túy. Ngay từ đầu năm, Giám đốc Công an tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, Công an các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh tăng cường lực lượng bám sát địa bàn, nắm chắc tình hình và hoạt động của các tụ điểm phức tạp có liên quan đến an ninh trật tự nói chung, tệ nạn xã hội về ma túy nói riêng

Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2015, Công an tỉnh đã phát hiện, bắt giữ và xử lý 228 vụ, 214 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ 113,56gam Heroin; 382,6gam ma túy tổng hợp và một số tang vật khác. Tiến hành khởi tố điều tra 118 vụ, 133 bị can (đạt 131,1% chỉ tiêu), xử lý hành chính 110 vụ, 228 đối tượng, phạt tiền trên 180 triệu đồng. Phối hợp với Ban an toàn giao thông tỉnh kiểm tra 1.462 lái xe, phát hiện 31 trường hợp dương tính với ma túy.

Dù đã áp dụng rất nhiều biện pháp cùng với sự cương quyết trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về ma túy nhưng trong năm 2016, tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương có chiều hướng diễn biến phức tạp hơn. Nguồn ma túy chủ yếu vẫn do một số đối tượng ở các tỉnh thành như Hải Phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn...móc nối đưa

vào bán hoặc do các đối tượng nghiện ma túy là người Hải Dương mua về sử dụng và bán kiếm lời.

Trọng lượng các chất ma túy phát hiện thu giữ tăng hơn so cùng kỳ năm trước, chủ yếu là các dạng ma túy ở thể rắn. Đã phát hiện thu giữ: 77,434 gam Hêrôin giảm 66,141gam so năm 2015 (77,434/143.575gam); 12.400,477 gam Methamphetamine tăng 11.302,397 gam (12.400,477gam/1098,08gam); 604,384 gam Ketamine tăng 487,78gam (604,384 gam/116,604;gam); 370,673 gam MDMA tăng 370,299 gam 370,673 gam/0,374 g); 29,712gam cần sa (tăng 100%); 17,497 gam Codeine (tăng 100%). Đặc biệt, trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong năm 2016 đã xảy ra những vụ phạm tội về ma túy có tính chất đặc biệt nghiêm trọng như: Vào 04 giờ 30 phút ngày 07/9/2016 tại Quốc lộ 17B thuộc địa phận Thị trấn Minh Tân, xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, lực lượng Công an huyện Kinh Môn đã bắt quả tang Đàm Văn Nít, sinh năm: 1986, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Pàn Phước, xã Thanh Long, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, đang trên đường vận chuyển ma túy, thu giữ trên người của Nít 01 ba lô màu xám, bên trong có 01 túi nilon màu đen đựng 03 túi nilon ma túy đá. Trước Cơ quan Công an đối tượng Đàm Văn Nít đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi cất giấu ma túy đá trên người để vận chuyển thuê kiếm lời. Theo Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an số tang vật Công an Kinh Môn thu giữ của Đàm Văn Nít vào sáng ngày 07/9/2016 là ma túy tổng hợp, tên gọi là Methamphetamine, có trọng lượng là 2954,57gam. Đây là vụ ma túy có khối lượng bị bắt giữ lớn nhất từ trước tới nay trên địa bàn Hải Dương.

2.1.1.4. Đặc điểm về đối tượng phạm tội và tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Với đặc điểm tự nhiên, xã hội của tỉnh Hải Dương đối chiếu với thực tế đấu tranh, theo dõi, chỉ đạo công tác phòng, chống ma túy tác giả nhận thấy đối tượng phạm tội về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, đối tượng phạm tội về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương rất đa dạng, họ là người ở trong tỉnh, người ở các tỉnh trên địa bàn cả nước. Thực tiễn điều tra, truy tố các vụ án ma túy cho thấy nguồn ma túy chủ yếu vận chuyển từ các tỉnh biên giới vào nội địa và vào tỉnh Hải Dương.

Thứ hai, về đặc điểm nhân thân: Các đối tượng phạm tội ma túy thường là người có trình độ văn hóa không cao, có tiền án, tiền sự hoặc xuất thân trong gia đình đã và đang có người tham gia phạm tội về ma túy (ông bà, cha mẹ). Do có mối quan hệ sẵn có về nguồn cung cấp, nguồn tiêu thụ ma túy và có sự tin tưởng của đối tác, đây là điều kiện thuận lợi để họ tiếp xúc, trao đổi và liên hệ mua bán ma túy với nguồn mà người thân trước đây đã làm. Nhiều người đã có tiền án, mới ra tù lại tiếp tục phạm tội ma túy với mức độ, số lượng cao hơn trước.

Thứ ba, về tính chất, thủ đoạn phạm tội của các đối tượng thì ngày càng tinh vi, xảo quyệt, táo tợn, nguy hiểm hơn, chúng thường xuyên thay đổi địa bàn, phương thức, thời gian hoạt động, khi bị phát hiện có thái độ ngoan cố, không hợp tác, chống trả quyết liệt bằng vũ khí nóng để tẩu thoát.... Các đường dây, đối tượng phạm tội về ma túy có sự nghiên cứu và lợi dụng triệt để các sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý của các cơ quan chức năng ở một số lĩnh vực để hoạt động phạm tội. Các đối tượng thường hoạt động ở khu vực đường mòn giáp biên, sống chui lủi. Tội phạm đã sử dụng các phương tiện giao thông chất lượng cao, điện thoại di động hiện đại để liên lạc, thậm chí sử dụng cả internet để quảng cáo, lôi kéo các đối tượng vào đường dây buôn bán ma túy. Các đối tượng phạm tội ma túy thường có hành vi che giấu nhân thân, lai lịch bản thân bằng các thủ đoạn như: Đến ở trong các khu nhà trọ, nhà nghỉ, khách sạn nhưng không đăng ký tạm trú, làm giả các loại giấy tờ, sử dụng thông tin cá nhân của người khác để đăng ký tạm trú, làm hồ sơ xin việc nhằm tạo vỏ bọc hợp pháp để thực hiện hành vi phạm tội; sử dụng phương thức giao dịch qua điện thoại, mạng Internet; chuyển ma túy bằng hình thức gửi hàng qua các tuyến xe khách, bưu điện, đường sắt và thanh toán tiền qua lái xe, tài khoản cá nhân; sử dụng nhiều thủ đoạn cất giấu ma túy như: Giấu dưới sàn xe, trong cốp xe, cánh cửa xe ô tô, đồ điện tử, giấu lẫn trong các loại hàng hóa khác...

Đặc điểm về phương thức, thủ đoạn phạm tội về ma túy: Đối tượng phạm tội về ma túy thường hoạt động theo các phương thức như sau:

Thứ nhất, theo tuyến và địa bàn nhất định gồm: Các tuyến mua bán, vận chuyển ma túy từ Tây Bắc về Hà Nội; tuyến Tây Bắc chung chuyển qua Hà Nội qua Hải Dương đi Hải Phòng, đi Quảng Ninh để bán sang Trung Quốc. Về địa bàn phạm tội chúng thường chọn các điểm đông dân cư, nơi tập trung nhiều đối tượng nghiện hút, nhiều tệ nạn xã hội, nhiều

nhà hàng vũ trường, quán Karaoke hay nơi công cộng khác mà các lực lượng chức năng không quản lý, giám sát chặt chẽ.

Thứ hai, theo đường dây: Các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy tổ chức rất chặt chẽ giữa người bán, người nhận và người vận chuyển (cả tuyến hoặc từng công đoạn). Đối tượng tham gia công đoạn nào chỉ biết công đoạn đó. Do vậy, nhiều đối tượng thành khẩn khai báo nhưng không thể mở rộng điều tra, xử lý đối với các đồng phạm khác.

Từ những đặc điểm về tình hình tội phạm ma túy tại tỉnh Hải Dương nêu trên, có thể nhận thấy tội phạm về ma túy ngày càng có những diễn biến phức tạp, gia tăng cả về số lượng và quy mô của vụ án. Cuộc chiến đấu tranh, phòng chống ma túy luôn được xác định là gian nan và lâu dài. Để công tác đấu tranh phòng, chống với tội phạm ma túy đạt kết quả cao, trước hết phải coi công tác đấu tranh, phòng chống ma túy là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội chứ không phải của riêng một đơn vị, cơ quan chức năng nào; đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong đó có CQĐT và VKSND.

2.1.2. Vai trò của Viện kiểm sát trong công tác kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy tại tỉnh Hải Dương

Thứ nhất, kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy của VKSND dân góp phần quan trọng vào việc đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy.

VKSND là một trong các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước, với vị trí chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể trong Hiến pháp năm 2013, VKSND có vị trí vai trò rất quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong lĩnh vực giải quyết các vụ án hình sự nói chung và các vụ án về ma túy nói riêng bằng các biện pháp về nghiệp vụ và việc tăng cường trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, KSV các cấp, công tác KSĐT là hoạt động quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy, nhằm đảm bảo quá trình quá trình phát hiện khởi tố, điều tra và xử lý tội phạm được nhanh chóng, chính xác, kịp thời theo quyền năng và nghĩa vụ tố tụng. VKS còn tác động để áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm thông qua việc thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của mình, VKS cùng với các cấp các ngành chung tay bảo vệ pháp luật, trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật góp phần mang lại sự yên bình cho xã hội.

Thứ hai, bảo vệ pháp chế XHCN, xử lý nghiêm và kịp thời các hành vi tội phạm về

ma túy.

Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, sự tuân thủ pháp luật của mọi tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, cũng chính là nội hàm của nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN. Việc bảo vệ pháp luật, là trách nhiệm chung của toàn bộ hệ thống chính trị. Với chức năng Hiến định, VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất (khoản 3 Điều 107 Hiến pháp 2013). VKSND sẽ có điều kiện để góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, thông qua việc thực hiện quyền năng pháp lý như kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu trong hoạt động tư pháp.

Thứ ba, góp phần vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta dành sự quan tâm đặc biệt, nhất là hiện nay chúng ta đang tiến hành xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Công tác KSĐT của VKS đối với các vụ án về ma túy góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, qua công tác KSĐT đã phát hiện ra những dạng vi phạm pháp luật mới, những dạng quan hệ xã hội mới trong thực tiễn mới nảy sinh cần phải có những quy phạm pháp luật điều chỉnh kịp thời qua đó VKSND kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ sung hoàn thiện các quy phạm pháp luật đối với những quy phạm chồng chéo, những quy phạm không còn phù hợp với thực tiễn cần phải điều chỉnh hoặc bãi bỏ.

Thứ tư, công tác KSĐT các tội phạm về ma túy có vai trò đảm bảo hoạt động tố tụng đúng theo các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

KSĐT các vụ án hình sự nói chung và vụ án ma túy nói riêng có vai trò hướng các chủ thể của quan hệ pháp luật thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình khi THPT, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, nhất là người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, ngăn ngừa việc lạm quyền của những người THPT. Vai trò KSĐT của VKSND trong giai đoạn hiện nay rất quan trọng, mọi hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra các tội phạm về ma túy đều phải được tuân thủ mọi trình tự do pháp luật quy định, có

nếu vụ án mới được điều tra một các khách quan, toàn diện. Dưới sự kiểm tra, giám sát của VKSND trong giai đoạn này đảm bảo cuộc điều tra theo đúng quy định của pháp luật, VKSND sử dụng các quyền năng pháp lý do luật định yêu cầu CQĐT thực hiện đúng các quy định của pháp luật hình sự khi điều tra, các chứng cứ buộc tội và gỡ tội đều phải được thu thập theo đúng quy định của BLTTHS nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật này không bị xâm phạm, không bị điều tra một cách phiến diện hoặc theo ý chí chủ quan của người THTT, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Thứ năm, Công tác KSĐT các tội phạm ma túy có vai trò quan trọng trong việc thực hiện đường lối chủ trương của Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy.

Trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, bằng các chủ trương, chính sách của Đảng thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta kiên quyết đấu tranh với các tội phạm về ma túy. Trong BLHS đã xác định đây là loại tội phạm nghiêm trọng với các khung hình phạt nghiêm khắc mang tính răn đe và giáo dục cao. Quá trình thực hiện chức năng KSĐT các tội phạm về ma túy, VKSND vận dụng đường lối chủ trương của Đảng vào quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy, bằng công tác chuyên môn nghiệp vụ nhằm đảm bảo sự tuân thủ nghiêm minh của pháp luật trong hoạt động tố tụng, thể hiện quan điểm của Đảng nhằm giáo dục riêng người phạm tội và phòng ngừa chung trong nhân dân. Qua trình KSĐT, VKSND sử dụng các quyền năng pháp lý có sự vận dụng quan điểm của Đảng đối với các tội phạm về ma túy, kiên quyết xử lý nghiêm đối với những đối tượng ngoan cố phạm tội, khoan hồng đối với những người phạm tội biết ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, lập công chuộc tội để hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

2.2. Thực trạng công tác kiểm sát điều tra các vụ án về tội phạm ma túy của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương

2.2.1. Thực trạng về tổ chức bộ máy của VKSND tỉnh Hải Dương, thực hiện công tác KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy.

Tại Điều 48 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 quy định:

1. Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện gồm có văn phòng và các phòng; những nơi chưa đủ điều kiện thành lập phòng thì có các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức khác và người lao động khác.

Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, thành phố Hải Dương gồm có các bộ phận nghiệp vụ, đó là: Bộ phận văn phòng; Bộ phận kiểm sát thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Bộ phận kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự; Bộ phận thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm án hình sự; Bộ phận kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính, kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; Bộ phận tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm sát kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo; Bộ phận kiểm sát thi hành án dân sự.

Việc KSĐT các tội phạm về ma túy do phòng 1 VKSND tỉnh Hải Dương đảm nhiệm. Trong những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo nhất quán của VKSND tối cao, của lãnh đạo VKSND tỉnh Hải Dương và tinh thần kiên quyết, bản lĩnh của cán bộ, KSV được phân công THQCT, KSĐT án ma túy, VKSND cả hai cấp đã thực hiện một cách nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo của VKSND tối cao trong việc áp dụng pháp luật giải quyết các vụ án về ma túy. Kết quả công tác giải quyết án ma túy trên địa bàn toàn tỉnh luôn đảm bảo được chất lượng và có hiệu quả. Không để xảy ra tình trạng oan sai và góp phần tích cực trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn ma túy.

2.2.2. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, thực trạng hoạt động kiểm sát việc tiếp nhận, xử lý và kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm là cuộc đấu tranh mang tính chất xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của toàn xã hội, công tác này đạt được kết quả cao hay không phụ thuộc vào ý thức trách nhiệm tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức xã hội và của quần chúng nhân dân nhằm cung cấp cho các cơ quan THTT các thông tin về tội phạm. Chính vì những ý nghĩa quan trọng đó mà công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là nguồn căn cứ để kịp thời phát hiện hành vi phạm tội xảy ra, xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để xem xét, quyết định việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Trách nhiệm của VKSND là

kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, không làm oan người vô tội, chống bỏ lọt tội phạm.

Thực hiện yêu cầu cải cách tư pháp, Lãnh đạo VKSND tối cao đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, coi đây là một trọng tâm của công tác THQCT, KSĐT án hình sự. Chỉ thị 06/CT-VKSNDTC ngày 06/12/2013 của Viện trưởng VKSNDTC về *“Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm”* chỉ rõ: VKS các cấp phải kiểm sát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết đối với toàn bộ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người không phạm tội ngay từ đầu. Định kỳ, VKS các cấp phối hợp với CQĐT cùng cấp đánh giá tình hình tội phạm, kết quả tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm để chủ động phát hiện, đấu tranh, phòng chống tội phạm; thường xuyên hoặc đột xuất kiểm sát trực tiếp việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT. VKS các cấp phân công KSV chuyên trách theo dõi, quản lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, trực 24/24 giờ trong ngày để kiểm sát việc khám nghiệm, xét phê chuẩn việc bắt khẩn cấp.

Trong 5 năm (từ năm 2012 – 2016) công tác kiểm sát tin báo, tin tố giác về tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã có những chuyển biến tích cực. Qua quá trình nghiên cứu và khảo sát các vụ án về ma túy trên địa bàn tỉnh, tác giả luận văn đã tổng hợp lại, thấy tin báo tố giác tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương chủ yếu từ các nguồn tin sau:

Bảng 2.2. Thống kê nguồn tin báo, tố giác về tội phạm ma túy

Nguồn tin báo	Chiếm tỉ lệ
Từ quần chúng nhân dân cung cấp	7.6 %
Từ công tác tuần tra kiểm soát	17.2 %
Từ trình sát của các cơ quan điều tra	74.1 %
Mở rộng các vụ án khác; từ hồ sơ lưu trữ và các nguồn khác...	1.1 %

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương)

Từ đây ta có thể thấy tin báo chủ yếu thu thập được từ hoạt động nghiệp vụ của các lực lượng trinh sát - đây cũng là đặc điểm đặc thù trong hoạt động điều tra các tội phạm về ma túy. VKSND tỉnh đã thực hiện có hiệu quả việc kiểm sát tin báo, tố giác tội phạm về ma túy trên địa bàn toàn tỉnh góp phần vào công tác khởi tố đúng người, đúng tội và bảo đảm các căn cứ để xử lý tội phạm. Cụ thể được thể hiện qua bảng thống kê sau:

Bảng 2.3. Bảng thống kê số tin báo về tội phạm ma túy và số tin bị khởi tố điều tra trên địa bàn tỉnh Hải Dương từ năm 2012 – 2016

Năm	Tổng số tin báo	Số tin khởi tố điều tra
2012	208	208
2013	211	211
2014	210	210
2015	221	220
2016	254	254

(Nguồn: Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hải Dương)

Các tin báo, tin tố giác tội phạm chủ yếu về tội mua bán trái phép chất ma túy, ví dụ như trong năm 2015, tổng số tin báo kiểm sát được là 221 tin, trong đó có 138 tin về tội mua bán trái phép chất ma túy, khởi tố điều tra 137 vụ, còn 1 tin cần xác minh. Năm 2016 tổng số tin báo kiểm sát được là 254 tin, trong đó có 161 tin về tội mua bán trái phép chất ma túy, khởi tố điều tra 161 vụ.

VKSND tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với CQĐT để nắm chắc tình hình tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, phân loại xử lý và theo dõi, đôn đốc việc xác minh, giải quyết của CQĐT, thực hiện đúng các quy định của BLTTHS. Đồng thời mở sổ ghi chép thông tin tội phạm từ tất cả các nguồn chuyển đến; duy trì việc định kỳ giao ban với CQĐT để nắm vững tình hình vi phạm, tội phạm xảy ra trên địa bàn và các biện pháp phối hợp phát hiện, phân loại xử lý. Lãnh đạo VKS còn phân công KSV có năng lực kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết của CQĐT đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, kịp thời nêu ra những vấn đề bắt buộc phải làm rõ khi xác minh loại việc đó. Khi phân loại xử lý vụ việc, VKS cũng phối hợp chặt chẽ với CQĐT cùng xem xét, kết luận, thống nhất đường lối xử lý, khởi tố hay không khởi tố; khởi tố tội gì, theo khoản nào của BLHS.

Tóm lại, khi nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng CQĐT về phân công phó Thủ trưởng CQĐT và phân công ĐTV, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm thì trong thời hạn 03 ngày VKS hai cấp cũng ban hành ngay quyết định phân công KSV kiểm sát việc xác minh tố giác tin báo tội phạm của CQĐT, đồng thời cũng lập hồ sơ kiểm sát, để kiểm sát việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT.

Do đổi mới và thực hiện nhiều phương thức kiểm sát nên đã kiểm sát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về tội phạm của CQĐT có nhiều chuyển biến tích cực. Thời gian nghiên cứu, phân loại, xử lý kịp thời, chất lượng từng bước được nâng cao. Công tác phối hợp giữa VKS hai cấp với CQĐT theo Quy chế phối hợp về quan hệ phối hợp giữa CQĐT với VKS trong công tác tiếp nhận, giải quyết, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra, truy tố các vụ án hình sự được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc xác minh tố giác, tin báo tội phạm tiếp tục được nâng cao. 100% tố giác, tin báo tội phạm khi kết thúc kiểm tra, xác minh đều được xử lý theo quy định của pháp luật. Khi kết thúc kiểm tra, xác minh tố giác tin báo về tội phạm CQĐT đều chuyển hồ sơ kết thúc việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm đến VKS để kiểm sát việc thụ lý, phân loại xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT. Do vậy, từ năm 2012 đến năm 2016 không có trường hợp nào VKS trực tiếp khởi tố; hủy bỏ quyết định không khởi tố của CQĐT; hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố của CQĐT...

Ngoài ra VKS tỉnh đã đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò của VKS trong việc tiếp nhận và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Từ đó động viên nhân dân tích cực cùng cấp các tố giác, tin báo về tội phạm.

Thứ hai, thực trạng công tác kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với các vụ án về tội phạm về ma túy của CQĐT tại tỉnh Hải Dương

Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự được quy định cho các cơ quan THTT và các cơ quan khác. Cụ thể thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự bao gồm CQĐT, VKS, Tòa án, các đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan, cơ quan Kiểm lâm và các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân, An ninh nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra... pháp luật đã giao thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can cho nhiều chủ thể khác nhau nhưng lại giao cho duy nhất VKS quyền quyết định việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can. Điều này thể hiện tính chế ước chặt chẽ trong

hoạt động khởi tố nhằm nâng cao trách nhiệm của các chủ thể khi thực thi nhiệm vụ này để đảm bảo tính thận trọng, tránh việc khởi tố tràn lan, khẳng định được vai trò quyết định của VKS trong việc quyết định “số phận” pháp lý của một vụ án hình sự. Điều này cũng đồng nghĩa với việc VKS phải chịu trách nhiệm chính về tất cả các quyết định đó

Thực tiễn hoạt động khởi tố điều tra các vụ án về ma túy tại Hải Dương cho thấy quyết định khởi tố vụ án chủ yếu do CQĐT của lực lượng Cảnh sát nhân dân tiến hành. Số vụ án ma túy do VKS trực tiếp khởi tố, chuyển đến CQĐT yêu cầu điều tra chiếm tỉ lệ rất nhỏ. Qua công tác KSĐT VKSND tỉnh Hải Dương luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình cố gắng làm tốt công tác giám sát các hoạt động của CQĐT thậm chí ngay cả từ khi vụ án còn chưa được khởi tố như: quản lý và xử lý tin báo tội phạm, thu thập các dấu vết ban đầu... các hồ sơ khởi tố và các quyết định khởi tố của CQĐT khi chuyển đến VKS tỉnh đều được VKS nghiên cứu xem xét và đánh giá kỹ các tài liệu, chứng cứ và đối chiếu cụ thể với các quy định của pháp luật. Việc xem xét này được VKS dựa trên việc trả lời những câu hỏi: Có hay không có sự kiện phạm tội? Hành vi đó có đủ cấu thành tội phạm hay không? Nếu đủ hành vi cấu thành tội phạm thì đó là tội gì? Ngoài hành vi đã bị khởi tố còn có hành vi nào chưa được khởi tố hay không?...Chỉ khi xác định chắc chắn việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can là có căn cứ thì VKS mới chấp nhận và ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can.

VKS tỉnh cũng kiểm sát chặt chẽ việc lập biên bản thu giữ, niêm phong và mở niêm phong đối với vật chứng thu giữ nghi là ma túy; trong các trường hợp cần xác định trọng lượng (khối lượng), trích mẫu để thực hiện trung cầu giám định; kiểm sát chặt chẽ nội dung quyết định trung cầu giám định của CQĐT và kết luận giám định của Cơ quan chuyên môn trong các vụ án liên quan đến ma túy tập trung vào việc xác định loại và trọng lượng (khối lượng) ma túy như BLHS đã quy định. Đặc biệt VKS luôn hết sức lưu ý các trường hợp phê chuẩn khởi tố bị can trong các vụ án khám phá qua truy xét, không thu giữ được vật chứng. Việc quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các quyết định của CQĐT được các lãnh đạo VKS tỉnh và các KSV xem xét và cân nhắc một cách thận trọng trên cả phương diện nội dung lẫn hình thức. Những trường hợp khi xem xét thấy chưa đủ căn cứ vững chắc để khởi tố thì VKS tỉnh sẽ yêu cầu CQĐT bổ sung hoặc tự mình bổ sung cho đầy đủ rồi mới ra quyết định phê chuẩn.

Trong năm 2016, hai cấp kiểm sát của VKSND tỉnh Hải Dương KSĐT việc khởi tố của CQĐT 255 vụ mới tăng 32 vụ so với năm 2015, khởi tố 290 bị can tăng 46 bị can so với năm 2015. Chất lượng công tác KSĐT được đảm bảo, không để xảy ra trường hợp khởi tố oan sau phải đình chỉ điều tra hoặc xử lý hành chính do hành vi không cấu thành tội phạm. Các KSV của VKSND tỉnh Hải Dương đã nêu cao trách nhiệm, năng động hơn và chủ động bám sát, bám chặt quá trình điều tra, phối hợp chặt chẽ với các ĐTV, đề ra các tiêu chí điều tra cụ thể, thậm chí nhiều trường hợp để đảm bảo tính cẩn trọng, trước khi quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định của CQĐT, KSV đã tự mình trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra. Nhờ vậy, đã đảm bảo việc khởi tố đúng đối tượng, đúng tội danh, không để lọt tội phạm

Thứ ba, *thực trạng công tác kiểm sát việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn*

Biện pháp ngăn chặn không phải là biện pháp điều tra, nó chỉ được áp dụng khi thật cần thiết và khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật TTHS. Do đó, trong quá trình điều tra, khám phá vụ án CQĐT không được dùng các biện pháp ngăn chặn như một biện pháp điều tra. Việc bảo đảm áp dụng biện pháp ngăn chặn đúng pháp luật là trách nhiệm của VKS.

Đối với các biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất như bắt, tạm giữ, tạm giam, từ năm 2012 đến năm 2016 nhờ nắm vững các quy định của pháp luật cùng với sự cố gắng nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao nên chất lượng của công tác KSĐT trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam các biện pháp này được nâng lên rõ rệt. Hạn chế và khắc phục được tối đa tình trạng lạm dụng việc bắt khẩn cấp; tỷ lệ bắt giam đưa ra truy tố cao. Việc bắt tạm giữ, tạm giam cơ bản đã được đảm bảo có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. VKS tỉnh đã kiểm sát chặt chẽ 100% các trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn của CQĐT

Theo số liệu thống kê của VKSND tỉnh Hải Dương, các tội phạm ma túy bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ là nhiều nhất và có xu hướng tăng trong 5 năm trở lại đây. Năm 2012 VKSND tỉnh đã kiểm sát 210 lệnh tạm giữ (trong đó cấp tỉnh là 45 lệnh, cấp huyện là 165 lệnh) đến năm 2016 con số này đã lên đến 330 lệnh tạm giữ (trong đó cấp tỉnh là 71 lệnh, cấp huyện là 259 lệnh). Nhìn chung, việc áp dụng biện pháp tạm giữ thời gian gần đây trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện thông qua việc số

người bị bắt, tạm giữ đã bị khởi tố, chuyển tạm giam để điều tra, truy tố, xét xử rất cao. Khi quyết định áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ bất kỳ biện pháp ngăn chặn nào các KSV và lãnh đạo VKS đều rất thận trọng, chú ý cân nhắc từng trường hợp cụ thể nên các trường hợp mà VKS quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đều đảm bảo có căn cứ, đúng pháp luật.

Các trường hợp bắt quả tang tội phạm về ma túy có cả những người có liên quan có mặt tại thời điểm bắt giữ như: Lái xe taxi, người thân, hoặc bạn bè,... thì VKS tỉnh luôn yêu cầu CQĐT tập trung khẩn trương xác minh làm rõ mối quan hệ và hành vi có liên quan đến tội phạm về ma túy của người đó để xử lý kịp thời nhằm giảm tỷ lệ bắt giữ hình sự nhưng sau đó phải xử lý hành chính.

Có thể thấy hoạt động kiểm sát áp dụng các biện pháp ngăn chặn của VKS tỉnh Hải Dương được thực hiện một cách chặt chẽ. Quá trình kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam VKS tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với CQĐT. Chú trọng kiểm tra tính có căn cứ hợp pháp đối với các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam nên các trường hợp áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đều có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2016 không có trường hợp nào bị bắt, tạm giữ, tạm giam sau đó phải trả tự do để xử lý hành chính hoặc không có hành vi vi phạm pháp luật. Đây chính là kết quả của việc thực hiện tốt công tác kiểm sát việc bắt người, tạm giữ, tạm giam việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn và việc phân loại xử lý của VKS tỉnh.

Thứ tư, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra để chỉ đạo hoạt động điều tra.

Vấn đề yêu cầu điều tra trong TTHS được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau, dưới góc độ của hoạt động điều tra thì yêu cầu điều tra trong bản kế hoạch điều tra là tất cả những vấn đề mà hoạt động điều tra phải tiến hành để làm rõ tất cả những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự và hoạt động điều tra phải tuân theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Dưới góc độ xét xử thì việc điều tra công khai trước phiên tòa để làm rõ toàn bộ sự thật của vụ án bằng cách kiểm tra, đánh giá chứng cứ đã được thu thập trong giai đoạn điều tra, truy tố trước đó. Do vậy, khi còn những vấn đề chưa rõ, những vấn đề không thể làm rõ tại phiên tòa, thì Tòa án cũng có quyền yêu cầu điều tra bổ sung. Với chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự thì việc VKS đề ra yêu cầu điều tra để CQĐT tiến hành điều tra làm rõ bản chất vụ án là một hoạt động tất yếu. Do hoạt động yêu cầu điều tra

được diễn ra trong suốt quá trình tố tụng và do nhiều chủ thể thực hiện, đây là một đề tài rộng, vì vậy trong phạm vi chuyên đề này chúng tôi chỉ giới hạn trong phạm vi yêu cầu điều tra của VKS đối với hoạt động điều tra của CQĐT. Đề ra yêu cầu điều tra là một quyền năng pháp lý của VKS đã được pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 điều 37 và khoản 2 Điều 112 BLTTHS, đây không chỉ là quyền hạn mà còn là trách nhiệm của VKS phải thực hiện khi thực hiện chức năng THQCT và KSĐT vụ án hình sự nói chung và án về ma túy nói riêng.

Mục đích của yêu cầu điều tra không gì khác ngoài việc cùng với CQĐT làm rõ toàn bộ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án một cách khách quan, toàn diện, nhanh chóng kịp thời, tránh việc phải điều tra bổ sung, điều tra lại, qua đó tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động THQCT và kiểm sát hoạt động xét xử của KSV tại phiên tòa. Về hình thức yêu cầu điều tra, việc yêu cầu điều tra có thể bằng lời nói hoặc có thể bằng văn bản. Đối với trường hợp yêu cầu điều tra trong giai đoạn xử lý tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố thì thường KSV đề ra yêu cầu điều tra trực tiếp bằng lời nói hoặc thực hiện yêu cầu điều tra dưới dạng văn bản yêu cầu bổ sung chứng cứ.

Xác định rõ được vai trò và ý nghĩa quan trọng của việc kịp thời đề ra yêu cầu điều tra các KSV của VKSND tỉnh được phân công KSĐT đã luôn bám sát, chủ động nắm bắt diễn biến quá trình điều tra để kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra đúng với những vấn đề cần chứng minh của vụ án. Trước khi ban hành bản yêu cầu điều tra, tất cả các KSV đã nghiêm túc nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, trên cơ sở những chứng cứ tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, định hướng đúng và có suy luận quy luật logic, không suy đoán hoặc suy diễn một cách tùy tiện dẫn đến việc đề ra yêu cầu điều tra một cách thiếu căn cứ, gây khó khăn cho quá trình điều tra. Các yêu cầu điều tra đã bám đảm có chất lượng, có tính khả thi. Sau khi đề ra yêu cầu điều tra, các KSV đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu điều tra của ĐTV. VKS tỉnh Hải Dương đã tổ chức hội thảo tại Hải Dương với VKSNDTC, Tạp chí kiểm sát, các VKS tỉnh bạn, với các CQĐT của Công an tỉnh Hải Dương về việc đề ra yêu cầu điều tra. Qua đó, KSV và ĐTV của tỉnh Hải Dương học tập được nhiều kinh nghiệm hay trong việc đề ra yêu cầu điều tra. Kết quả trong 05 năm qua 100% các vụ án về ma túy đều được KSV đề ra yêu cầu điều tra, thậm trí có vụ án về ma túy phải đề ra tới 03 yêu cầu điều tra trong quá trình điều tra.

Thứ năm, thực trạng kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, việc khám xét, thu giữ vật chứng, kiểm sát việc trưng cầu giám định...

Kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường: Sau khi nhận được thông báo của CQĐT về các vụ án ma túy cần tiến hành khám nghiệm hiện trường, lãnh đạo VKSND hai cấp luôn chủ động bố trí, phân công KSV tiến hành kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường của CQĐT. Chính vì vậy nên tất cả các cuộc khám nghiệm hiện trường đều có KSV tham gia, giám sát chặt chẽ, yêu cầu ĐTV khám nghiệm tỷ mỉ, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Những vụ việc có hậu quả đặc biệt nghiêm trọng và phức tạp, thì lãnh đạo VKSND đã trực tiếp tiến hành kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường. Tuy nhiên, sự tham gia của lãnh đạo VKS hai cấp chưa nhiều. KSV được phân công kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường đã luôn yêu cầu CQĐT thực hiện ngay các biện pháp cần thiết để bảo vệ hiện trường, không được tiết lộ các tin tức, tài liệu về hiện trường.

Kiểm sát khám xét, thu giữ vật chứng: Khám xét, thu giữ vật chứng trong các vụ án về ma túy là hoạt động điều tra nhằm tìm kiếm, thu thập dấu vết tội phạm, vật chứng, nhất là các chất ma túy hoặc những đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Theo quy định của pháp luật, việc khám xét bao gồm khám người, khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm và BLTTHS năm 2015 còn mở rộng thêm các trường hợp khám phương tiện và thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử (Điều 195, 196). Do ma túy là loại hàng hóa dễ cất giấu nên đối tượng phạm tội thường cất giấu ma túy ở tất cả các nơi có thể và phân tán ở nhiều địa điểm khác nhau, khi bị kiểm tra dễ tẩu tán, tiêu hủy... nên công tác khám xét đòi hỏi phải được thực hiện rất kịp thời, khẩn trương mới có thể thu giữ được đầy đủ, toàn vẹn chứng cứ phục vụ quá trình giải quyết vụ án. Bởi vậy, hoạt động kiểm sát cũng cần được tiến hành rất khẩn trương, nhanh chóng.

Trong những trường hợp kiểm sát trực tiếp việc khám xét, thu giữ vật chứng, KSV luôn yêu cầu ĐTV ghi đúng theo mẫu quy định, phản ánh đầy đủ nội dung, diễn biến, trình tự, thủ tục việc khám xét, thu giữ vật chứng. Đặc biệt, ghi lại thái độ chấp hành lệnh khám xét của người bị khám xét, thái độ hợp tác của gia đình nơi ở, cơ quan nơi làm việc... Khi phát hiện biên bản không được ghi đầy đủ đã kịp thời KSV đã yêu cầu ĐTV ghi hoặc bổ sung đúng thực tế đã thực hiện. Đối với việc kiểm sát trên hồ sơ các KSV luôn kiểm tra chặt chẽ hình thức, nội dung, diễn biến, trình tự, thủ tục và phương pháp thực hiện được ghi trong biên bản.

Do vậy, trong những năm qua VKS hai cấp đã kiểm sát chặt chẽ các nội dung như: Các căn cứ khám xét, thu giữ vật chứng; về thẩm quyền người ra lệnh khám xét, nội dung lệnh khám xét; trình tự, thủ tục, phương pháp khám xét; biên bản khám xét, thu giữ vật chứng của CQĐT theo đúng quy định của BLTTHS.

Thứ sáu, thực trạng hoạt động kiểm sát việc quyết định đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can.

Từ năm 2012 đến năm 2016 VKS hai cấp đã kiểm sát chặt chẽ các quyết định đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra và các lý do, căn cứ đình chỉ, lý do tạm đình chỉ của CQĐT. Do đã kiểm sát chặt chẽ việc đình chỉ điều tra nên các vụ án do CQĐT và VKS đình chỉ đều đảm bảo có căn cứ, đúng pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp oan, sai. Đối với các vụ án về tội xâm phạm ma túy tạm đình chỉ điều tra chủ yếu đều do quá trình giải quyết vụ án chờ kết quả giám định của cơ quan chuyên môn.

Hồ sơ kiểm sát các vụ án tạm đình chỉ điều tra được thiết lập rất sơ sài, hồ sơ chỉ có các quyết định tố tụng, không có lời khai của bị hại, nhân chứng..., không có quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên cũng như quan điểm chỉ đạo của Lãnh đạo đơn vị thể hiện trong hồ sơ. Nhiều hồ sơ vụ án tạm đình chỉ điều tra do bị can trốn nhưng trong hồ sơ không có văn bản thể hiện việc bị can bỏ trốn, không có quyết định truy nã của Cơ quan điều tra... Một số hồ sơ trong quá trình điều tra xác định được đối tượng phạm tội nhưng không khởi tố mà tạm đình chỉ điều tra với lý do chưa xác định được đối tượng phạm tội. Việc thiết lập hồ sơ, theo dõi, quản lý như trên gây ra tình trạng khó khăn khi có quyết định phục hồi điều tra. Nhiều trường hợp bắt được bị can truy nã, phục hồi điều tra nhưng không tìm thấy hồ sơ tạm đình chỉ điều tra trước đây, hoặc hồ sơ quá sơ sài, không đủ tài liệu để chứng minh hành vi phạm tội của bị can nên phải trả tự do hoặc đình chỉ điều tra vụ án. Vẫn còn tình trạng tạm đình chỉ điều tra như một “giải pháp tình thế” vì không có căn cứ để tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 160 BLTTHS nhưng không còn cách giải quyết nào khác.

Thứ bảy, thực trạng về hoạt động của VKSND trong giai đoạn truy tố vụ án về tội phạm ma túy.

KSV của VKS hai cấp đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình khi KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy. Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án do CQĐT chuyển đến, KSV đã khẩn trương nghiên cứu, tổng hợp và đánh giá các chứng cứ do CQĐT đã thu thập được.

Quá trình nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, KSV đã quan tâm đến cả các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị can, trách nhiệm dân sự, việc tuân thủ Bộ luật TTHS của những người THTT, những người tham gia tố tụng, nguyên nhân phát sinh tội phạm. Khi thấy đã có đủ căn cứ quy định của pháp luật đã đề nghị lãnh đạo ban hành bản cáo trạng và quyết định truy tố. Chất lượng bản cáo trạng ngày càng được nâng lên được Tòa án hai cấp chấp nhận quan điểm truy tố của VKSND; nội dung bản cáo trạng đảm bảo chất lượng thể hiện trong kỹ năng soạn thảo, đó là việc sử dụng ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, cách lập luận logic, đánh giá chứng cứ khách quan, đầy đủ, có tính thuyết phục về các tình tiết của vụ án và các tình tiết liên quan đến bị can; tỷ lệ số vụ án do VKS truy tố, TA phải trả lại hồ sơ vụ án yêu cầu điều tra bổ sung ngày càng thấp thể hiện chất lượng hoạt động KSĐT ngày càng nâng lên, số vụ án Tòa án đưa ra xét xử đạt tỷ lệ cao, điều đó khẳng định quan điểm của VKS trong giải quyết vụ án. Kết quả trong 5 năm qua VKS hai cấp truy tố các vụ án về ma túy được Tòa án tuyên 100% các bị cáo phạm tội, không có bị cáo nào tòa án tuyên không phạm tội, không có trường hợp nào bị cấp trên hủy án để điều tra, xét xử lại.

Thứ tám, thực trạng việc trả hồ sơ điều tra bổ sung

Khi nghiên cứu các vụ án hình sự nói chung và các vụ án về ma túy nói riêng, nếu như thấy trong hồ sơ không đầy đủ những chứng cứ, những tài liệu chứng minh tội phạm; bỏ lọt tội phạm; xuất hiện những hành vi vi phạm pháp luật TTHS mà Tòa án hay VKSND không tự mình điều tra, khắc phục được thì phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung.

Trong quá trình giải quyết các vụ án về ma túy, việc trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung là điều khó có thể tránh khỏi trong thực tế. Điều đó đòi hỏi công tác KSĐT các vụ án hình sự phải được thực hiện một cách nghiêm túc và phải thực hiện hoạt động này ngay từ giai đoạn đầu để hạn chế những hành vi vi phạm.

Trong những năm gần đây, việc trả hồ sơ của Tòa án cho VKSND tỉnh Hải Dương và CQĐT để điều tra bổ sung là không nhiều. Án trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong năm 2016 có tỷ lệ thấp 2 vụ = 0,33% (giảm 3 vụ so với cùng kỳ năm 2015, thấp hơn tỷ lệ của Ngành là 5,67%). Từ thực tiễn cho thấy việc trả hồ sơ bắt nguồn từ những lý do như:

Một là, trả hồ sơ để điều tra bổ sung do còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án như: Chưa thu thập đầy đủ chứng cứ xác định hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra nên đã phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Không lấy lời khai nhân chứng, bị hại; Chưa có đủ chứng cứ kết luận hành vi phạm tội; Trả hồ sơ để tiến hành thực nghiệm điều tra nhằm củng cố chứng cứ, khắc phục mâu thuẫn trong hồ sơ...

Hai là, trả hồ sơ để điều tra bổ sung do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự thể hiện các dạng chủ yếu sau: Vi phạm, thiếu sót trong việc lập biên bản bắt quả tang; biên bản khám nghiệm hiện trường không có sự tham gia của ĐTV, KSV; Vi phạm trong việc lấy lời khai của người tham gia tố tụng; Xử lý vật chứng không đúng quy định tại Điều 76 BLTTHS; Không trưng cầu giám định đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định tại khoản 3 Điều 155BLTTHS...

2.2.3. Những hạn chế, thiếu sót trong công tác KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công tác quản lý và xử lý tin báo về tội phạm ma túy của VKS trong thời gian qua đã có nhiều tiến bộ song VKS vẫn còn thiếu tính chủ động trong việc phối hợp với các cơ quan hữu quan nên chưa nắm bắt được triệt để các thông tin về tội phạm, vẫn còn tình trạng tội phạm xảy ra nhưng không được phát hiện để khởi tố hoặc phát hiện nhưng chậm khởi tố. Cán bộ trực ban còn hạn chế về năng lực. Quá trình tiếp nhận tin không khai thác hết các thông tin hoặc không ghi địa chỉ người cung cấp. Một trong những nguyên nhân của tình trạng trên là sự yếu kém trong việc tiếp nhận, đăng ký, thống kê, xử lý tin báo về tội phạm. Sự chậm trễ trong xử lý thông tin về tội phạm luôn dẫn đến khó khăn và bế tắc trong hoạt động điều tra tội phạm tiếp theo. Mặt khác, do công tác kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm về ma túy cũng có những đặc thù riêng. Thông tin do CQĐT trực tiếp tiếp nhận chủ yếu theo dạng nguồn tin quần chúng nhân dân, nhưng không có danh tính địa chỉ rõ ràng. Người báo tin, tố giác hầu hết đều không được tận mắt chứng kiến hành vi phạm tội mà mình báo tin, tố giác, chỉ là phỏng đoán dựa trên dấu hiệu bản thân quan sát thấy nên không có những thông tin xác thực của người tố giác.

Chất lượng của hoạt động kiểm sát việc khởi tố các vụ án về ma túy nhìn chung vẫn còn nhiều hạn chế. Có những vụ việc mà CQĐT không khởi tố, khởi tố chậm nhưng VKS phát được nhưng không sử dụng một cách triệt để và có hiệu quả các quyền năng của mình

để kịp thời khắc phục. Vẫn còn tình trạng KSV thụ động chờ án, chỉ kiểm sát tại hồ sơ khi CQĐT đã kết thúc điều tra nên không phát hiện được kịp thời để yêu cầu điều tra dẫn đến các tài liệu, chứng cứ thu thập được chưa đạt hiệu quả.

Vẫn còn xảy ra trường hợp mà VKS trong suốt quá trình điều tra KSV không KSĐT hoặc có KSĐT nhưng không đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, không phát hiện được các vấn đề còn thiếu để đề ra yêu cầu điều tra hoặc tự mình điều tra kịp thời, chỉ sau khi hồ sơ vụ án được chuyển đến VKS hoặc thậm chí chuyển sang Tòa án để xét xử, các vấn đề cần bổ sung mới được phát hiện dẫn đến tình trạng số lượng các vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công tác kiểm sát

Khi tiến hành điều tra thu thập chứng cứ, lấy lời khai, hỏi cung bị can, có trường hợp ĐTV còn vi phạm thủ tục tố tụng, như ghi lời khai nhân chứng là người chưa thành niên, không có sự chứng kiến của người giám hộ, nhưng sau đó vẫn đưa cho người giám hộ ký hợp thức. Cá biệt có trường hợp hai bản cung của hai bị can khác nhau trùng về thời gian do một ĐTV tiến hành.

Quá trình KSĐT các vụ án về ma túy, VKS vẫn chưa kịp thời phát hiện thiếu sót của CQĐT trong việc tuân thủ các quy định của BLTTHS hoặc khi phát hiện vi phạm, thiếu sót thì không kiên quyết yêu cầu khắc phục vì có liên quan đến trách nhiệm của mình. Việc ban hành những kiến nghị, yêu cầu trong quá trình KSĐT của VKS cấp huyện còn hạn chế do ngại va chạm, nể nang. Do vậy hoạt động thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm của CQĐT chưa triệt để. Mỗi năm công tác, VKSND hai cấp đã ban hành từ trên 05 đến 07 kiến nghị yêu cầu Cơ quan CSĐT- Công an cấp huyện khắc phục vi phạm trong quá trình điều tra đối với các vụ án về ma túy, tuy nhiên trên thực tế số vụ vi phạm nhiều hơn nhưng chủ yếu được giải quyết bằng quan hệ phối hợp giữa hai ngành.

Đối với một số vụ án ma túy còn có những thiếu sót trong việc thực hiện trình tự thu thập chứng cứ, thủ tục tiến hành chưa đầy đủ hoặc chưa tiến hành kịp thời theo qui định của pháp luật. Việc khám xét khẩn cấp nơi ở của đối tượng, của bị can cũng như công tác khám nghiệm hiện trường ngay sau khi vụ việc xảy ra là hết sức cần thiết, cần nhanh chóng kịp thời tránh việc đối tượng và những người liên quan tẩu tán vật phạm pháp, tuy nhiên có trường hợp CQĐT đã không tiến hành hoạt động này làm mất tính thời sự của vụ án, sau này tiến hành thì không còn đảm bảo tính khẩn cấp, hiện trường đã bị xáo trộn hoặc mất dấu

vết, không có hiệu quả trong việc thu thập chứng cứ chứng minh gây khó khăn cho công tác KSĐT.

Một số KSV chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình nên trong nhiều trường hợp tham gia kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường còn lúng túng, thụ động, tham gia cho đủ thành phần chứ không phát hiện các vi phạm của CQĐT trong quá trình khám nghiệm hiện trường, hoặc nếu có phát hiện nhưng lại không đề ra yêu cầu khắc phục kịp thời, dẫn đến việc giải quyết vụ án gặp nhiều khó khăn và thiếu tính khách quan, vụ án phải điều tra, xét xử lại nhiều lần.

2.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót

2.2.4.1. Nguyên nhân khách quan

Một là, các đối tượng phạm tội về ma túy thường có nhiều thủ đoạn tinh vi, nhất là các đối tượng phạm tội là nữ giới thường cất giấu ma túy giấu ma túy trong cơ thể, ngoan cố không tự xuất trình tang vật, việc khám xét ngay tại chỗ cơ thể người phạm tội quả tang để thu tang vật là cần thiết, nhưng khi thực hiện bắt quả tang không phải lúc nào cũng có đủ thành phần như có người cùng giới khám xét, có người cùng giới chứng kiến (nhất là vào ban đêm), nên trong thực tế dễ xảy ra vi phạm quy định của pháp luật về bắt và khám xét người

Đối với một số vụ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bắt quả tại vũ trường, quán bar đông đối tượng tham gia, phải phân loại trước khi lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, thời gian phân loại khó khăn, kéo dài. Do đó việc thiết lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cũng rất khó khăn, có trường hợp sau 24 giờ mới hoàn thành được biên bản phạm tội quả tang, sau đó CQĐT phải hợp thức hóa về thời gian cho việc lập biên bản.

Hai là, hệ thống pháp luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động của VKS đối với KSĐT còn chưa đầy đủ, nhưng một số quy định còn mâu thuẫn chưa phù hợp, chưa đồng bộ nên làm hạn chế trong công tác KSĐT đối với các về ma túy. Cụ thể là việc áp dụng Thông tư liên tịch số 17/2007 và Thông tư liên tịch số 08/2015 (sửa đổi Thông tư liên tịch số 17) và một số văn bản của TANDTC hướng dẫn đối với hai thông tư này (Công văn 234 ngày 17/9/2014, Công văn 264 ngày 29/10/2014, Công văn 315 ngày 11/12/2015, Công văn 110 ngày 21/6/2016), trên thực tiễn xuất hiện nhiều khó khăn, vướng mắc bất cập trong việc giám định hàm lượng chất ma túy; Luật giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn không

quy định thời hạn trả lời kết luận giám định ... đã ảnh hưởng không nhỏ tới Công tác KSĐT đối với các vụ án về ma túy của VKSND các cấp.

2.2.4.2. Nguyên nhân chủ quan

Một là, không ít cán bộ, KSV ở cả hai cấp chưa nhận thức được thấu đáo về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của VKS trong TTHS. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của không ít cán bộ, KSV còn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ. Tinh thần trách nhiệm của một số KSV trong thực thi nhiệm vụ còn chưa cao

Hai là, công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo VKSND các huyện thị còn chưa quan tâm đầu tư thời gian đúng mức đến công tác này, sự điều hành chỉ đạo nghiệp vụ của VKS cấp trên chưa kịp thời, sâu sát và cụ thể, chủ yếu chỉ dựa trên các báo cáo của cấp dưới nên có nhiều vấn đề nổi cộm cần có sự chỉ đạo cấp trên sẽ không nắm bắt kịp để xử lý.

Ba là, sự phối hợp giữa VKS và các cơ quan khác đặc biệt là CQĐT còn chưa thường xuyên, liên tục; việc vận dụng chức năng còn máy móc, không linh hoạt. Một bộ phận cán bộ, ĐTV tiến hành tố tụng chưa thực sự có ý thức, trách nhiệm trong công tác phối hợp với KSV trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự về ma túy. Việc thực hiện các yêu cầu điều tra của KSV còn chưa thực sự triệt để. Bên cạnh đó, năng lực trình độ chuyên môn của một số cán bộ, KSV còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn trong tình hình mới nhưng lại không thực sự cầu thị chỉ làm theo lối mòn, theo kinh nghiệm mà không có sự vận dụng, cũng như sự đầu tư nghiên cứu các văn bản cho phù hợp với thực tế phát sinh trong tình hình mới.

Bốn là, công tác tổng kết rút kinh nghiệm, tập hợp và kiến nghị các vi phạm đạt hiệu quả chưa cao, còn mang nặng tính hình thức; chất lượng các kiến nghị, yêu cầu khắc phục còn chưa được toàn diện nên thiếu tính thuyết phục

Kết luận chương 2

Ở Chương 2, tác giả luận văn tập trung phân tích về điều kiện, tự nhiên của tỉnh Hải Dương liên quan đến tình hình tội phạm về ma túy, khái quát tình hình, đặc điểm các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương như: về phương thức thủ đoạn, phạm tội về ma túy, đặc điểm, chủng loại ma túy; vai trò của VKSDN đối với công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về ma túy;...Bằng các số liệu cụ thể với thời điểm 05 năm (từ 2012 đến

2016), tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá những kết quả đã đạt được của công tác KSĐT các loại án về tội phạm ma túy của VKS hai cấp tỉnh Hải Dương (trên cơ sở các khâu công tác nghiệp vụ). Qua đó tác giả luận văn đã rút ra những tồn tại, thiếu sót đối với công tác KSĐT các loại án về tội phạm ma túy, trên cơ sở đó đã rút ra những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao, chất lượng hiệu quả của công tác KSĐT các vụ án đối với tội phạm về ma túy trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Dự báo tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian tới

Công tác phòng chống ma túy luôn được lãnh đạo tỉnh Hải Dương quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục và quyết liệt. Việc triển khai gắn kết đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm về ma túy; lồng ghép với các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, tăng hộ khá, xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư và hàng năm sơ kết rút kinh nghiệm qua thực tiễn nên đã đề ra những giải pháp phù hợp, đột phá để giải quyết những vấn đề là nguyên nhân phát sinh tội phạm, tệ nạn xã hội.

Mặc dù tình hình tội phạm ma túy vẫn diễn biến phức tạp nhưng do chủ động dự báo đúng và tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời nắm bắt phương thức thủ đoạn hoạt động của tội phạm nên đã triệt phá và làm rõ phương thức thủ đoạn hoạt động của nhiều đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn

Tuy nhiên, tình hình hoạt động của tội phạm và tệ nạn ma túy trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều phức tạp; phương thức, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi xảo quyệt; nhiều đối tượng ở các tỉnh, thành phố khác đến ẩn náu và gây án. Tình hình vi phạm ma túy ngày càng đa dạng hơn, đối tượng mua bán với số lượng không lớn nhưng nhiều lượt trong thời gian ngắn; sản xuất ma túy tổng hợp trong nước tăng dần do dễ thực hiện, tính quốc tế, hoạt động trung chuyển và vai trò của các đối tượng người nước ngoài gia tăng rõ rệt. Đáng báo động hơn là tội phạm về ma túy đang có xu hướng “trẻ hóa” hơn rất nhiều

Mặt khác, lợi dụng việc cấp phép dễ dàng nên các quán bar, vũ trường, khách sạn phát triển rất nhanh nhưng công tác kiểm tra xử lý chưa thường xuyên, chưa triệt để, có lúc còn buông lỏng chính là điều kiện thuận lợi để tội phạm buôn bán ma túy tổng hợp hoạt động và làm cho loại tội phạm này gia tăng. Chỉ tính riêng khối lượng ma túy tổng hợp thu giữ trong

năm 2014 đã nhiều gấp 2 lần so với năm 2015, trong đó tội phạm về ma túy tổng hợp tăng 160% về số vụ và 102% về số đối tượng phạm tội.

Đáng chú ý là tình hình các đối tượng hình sự nguy hiểm đã chuyển sang hình thành các nhóm vận chuyển, mua bán sỉ ma túy, mua bán nhiều loại ma túy, tính chất hoạt động tinh vi, manh động và nguy hiểm hơn, sử dụng vũ khí quân dụng để chống trả các cơ quan chức năng. Các tội phạm về ma túy còn có xu hướng móc nối, liên kết lại với các loại tội phạm hình sự khác như: trộm cắp, giết người, cướp tài sản... dẫn đến công tác kiểm soát và xử lý các loại tội phạm này gặp nhiều khó khăn.

3.2. Quan điểm chỉ đạo của Đảng, của Ngành kiểm sát nhân dân về công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy

Cùng với tiến trình hội nhập sâu rộng của đất nước vào đời sống quốc tế, để đảm bảo ổn định chính trị và trật tự an toàn của xã hội phát triển đất nước, nhận thức trước thực trạng tội phạm về ma túy nói chung và tội phạm về ma túy tại tỉnh Hải Dương nói riêng, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách và chỉ đạo và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy, như Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 26/3/2008 về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới, cụ thể: Chỉ thị đã nhận định, qua 10 năm tổ chức thực hiện Chỉ thị 06 của Bộ Chính trị, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị, qua đó đã nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành; phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân tham gia phòng, chống ma túy; đấu tranh xử lý nhiều vụ phạm tội về ma túy và tổ chức cai nghiện với nhiều phương thức khác nhau, góp phần ngăn chặn, kiềm chế sự gia tăng tội phạm và tệ nạn ma túy.

Trên cơ sở đó, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 95-KL/TW ngày 02/4/2014 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới; Quốc hội thông qua Luật phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000 và đã được sửa đổi, bổ sung ngày 03/6/2008; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 98/NQ - CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới và Thủ tướng Chính phủ ban

hành quyết định 1001/QĐ-TTg ngày 27/6/2011 về chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030...

Đây là những định hướng quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy nói chung và trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng để các cơ quan chức năng thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, cụ thể: Nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân, gia đình và toàn xã hội để chủ động phòng, chống và kiểm soát ma túy. Từng bước ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi tệ nạn ma túy, hạn chế đến mức thấp nhất tác hại do ma túy gây ra nhằm tạo môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh phục vụ phát triển đất nước. Chặn đứng tốc độ gia tăng người nghiện mới; giảm tỷ lệ người sử dụng trái phép chất ma túy trong cộng đồng, đặc biệt là trong nhóm có hành vi nguy cơ cao; tổ chức cai nghiện ma túy theo hướng có hiệu quả, bền vững.

Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy của các cơ quan chuyên trách Công an, Hải quan và Bộ đội Biên phòng; đồng thời nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về ma túy của các cơ quan THTT địa phương và Trung ương để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Các cơ quan chuyên trách phối hợp đồng bộ với các địa phương trên tuyến chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, hạn chế đến mức thấp nhất ma túy thâm lậu qua biên giới; kiên quyết triệt phá và xóa bỏ tận gốc các điểm, các tụ điểm mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong nội địa. Tập trung tuyên truyền và giáo dục có hiệu quả đối với nhóm có hành vi nguy cơ để chủ động phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện ma túy mới. Loại bỏ hoàn toàn các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc tái trồng cây có chất ma túy.

Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực và trên thế giới nói chung và các cơ quan chức năng của Lào nói riêng để ký kết, sửa đổi, bổ sung các Hiệp định, Thỏa thuận, bản ghi nhớ, xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, hành động, chia sẻ thông tin giữa các nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trong thời gian tới.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát điều tra các vụ án đối với tội phạm về ma túy của viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương

3.3.1. Nâng cao trình độ năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên khi KSĐT vụ án về tội phạm ma túy

Việc nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Pháp luật của nhà nước là một yêu cầu khách quan bắt buộc trong công tác kiểm sát các HĐTP ở giai đoạn điều tra của VKS. Bản chất của công tác KSĐT là đòi hỏi KSV phải đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp trong việc quyết định khởi tố, điều tra, truy tố người phạm tội có tội hay không có tội.

Để làm được điều đó, KSV phải nắm vững pháp luật, quán triệt đường lối, chính sách đổi mới của Đảng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội trước hết là trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật. KSV phải cập nhật được các văn bản, nắm vững nội dung cũng như tinh thần của từng điều luật cụ thể để áp dụng trong hoạt động thực tiễn.

Đi đôi với việc nắm vững quan điểm và thực hiện đúng đường lối, chính sách đổi mới của Đảng, pháp luật của nhà nước trong quá trình KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng, KSV làm công tác hình sự phải nắm vững và thực hiện đúng, đầy đủ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Ngành. Nâng cao nhận thức của KSV về công tác KSĐT trong hoạt động điều tra. Mỗi KSV phải nắm vững quan điểm của Đảng, biết vận dụng đường của Đảng vào công tác kiểm sát để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ngành. VKS tỉnh phải thường xuyên quán triệt đề đội ngũ cán bộ, KSV luôn tu dưỡng, trau dồi đạo đức và ý thức chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV trong sạch, vững mạnh.

Cán bộ, KSV làm công tác KSĐT các vụ án về ma túy phải nhận thức đúng đắn về đối tượng, phạm vi, nội dung quyền năng pháp lý nào thuộc quyền kiểm sát các hoạt động điều tra. Cán bộ kiểm sát phải thường xuyên học tập, đúc rút kinh nghiệm để không ngừng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ KSĐT đối với các vụ án hình sự nói chung, về ma túy nói riêng.

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đã nêu rõ việc đổi mới công tác tổ chức và cán bộ là một trong những biện pháp đặc biệt quan trọng để VKS có thể làm tốt chức năng kiểm sát HĐTP. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm sát các HĐTP ở giai

đoạn điều tra. Do vậy, VKS tỉnh Hải Dương cần phải tiếp tục đổi mới công tác tổ chức, cán bộ theo hướng tăng cường cán bộ, KSV có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, phù hợp cho công tác THQCT và KSĐT các vụ án về ma túy.

Muốn thực hiện tốt chức năng KSĐT phải xây dựng cơ quan đoàn kết, thẳng thắn, trung thực trong công tác tự phê bình và phê bình, yêu ngành nghề và say mê học tập, có trình độ chuyên môn, chính trị tương đối đồng đều. Biết vận dụng và phát huy sức mạnh trí tuệ của tập thể trong giải quyết công việc.

Để có được một đội ngũ cán bộ, KSV làm công tác KSĐT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng có kinh nghiệm và có năng lực chuyên môn tốt, thì VKS cần làm tốt công tác quản lý và rèn luyện cán bộ; phải xác định rõ các yêu cầu và mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV của từng đơn vị; sắp xếp, bố trí từng người, đúng việc nhằm phát huy hết năng lực, sở trường của từng cán bộ, KSV. Kịp thời phát hiện những cán bộ, KSV có biểu hiện tiêu cực vi phạm quy chế, nghiệp vụ để uốn nắn kịp thời. Công tác tổ chức, cán bộ là khâu then chốt, có tính đột phá với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KSĐT trong giai đoạn điều tra, đòi hỏi phải có những chủ trương, chính sách đồng bộ, cần tuyển chọn các KSV giỏi, đã trải qua kinh nghiệm thực tiễn để bố trí, sắp xếp thực hiện công tác KSĐT các vụ án về ma túy.

Bên cạnh việc nắm vững những quy định của pháp luật hình sự, TTHS, KSV phải được trang bị kiến thức về điều tra tội phạm bằng các khóa học ngắn hạn, góp phần nâng cao năng lực trình độ KSĐT để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong giai đoạn công nghệ thông tin phát triển như hiện nay, KSV cần phải được tiếp cận, sử dụng thành thạo về tin học, ngoại ngữ, các kiến thức xã hội để đáp ứng yêu cầu chức năng, nhiệm vụ của Ngành trong tình hình mới. Đồng thời phải tập trung nâng cao trình độ chuyên môn từ Đại học Luật lên Cao học Luật, Tiến sỹ luật ...nâng cấp trình độ chính trị và kiến thức quản lý nhà nước.

3.3.2. Hoàn thiện cơ chế pháp luật liên quan đến hoạt động KSĐT

Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các Bộ luật, Luật liên quan đến quyền con người đã được Hiến pháp 2013 quy định. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện Luật phòng, chống ma túy, được sửa đổi, bổ sung năm 2008

để sửa đổi, bổ sung kịp thời phù hợp với thực tiễn công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy hiện nay.

Tiếp tục tổng hợp, rà soát để sửa đổi, bổ sung BLHS về Chương các tội phạm về ma túy theo hướng quy định rõ khối lượng, thể tích chất ma túy trong cấu thành tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự là "không tính theo độ tinh khiết" hay "tính theo độ tinh khiết"; bổ sung chất ma túy, cây cỏ chứa chất ma túy mới xuất hiện vào BLHS, như chất XLR-11, lá KHAT...và chỉnh sửa những sơ xuất của BLHS về Chương các tội phạm về ma túy theo tinh thần Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội.

Hướng dẫn cụ thể các quy định BLTTHS sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ những nội dung về người phiên dịch, việc dịch bản cáo trạng và tổng đạt bản cáo trạng cho bị can là người dân tộc, người nước ngoài không sử dụng tiếng Việt trong khi tham gia tố tụng; việc chỉ định người bào chữa đối với bị can là người nước ngoài; thủ tục yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật của các cơ quan THTT.

Đi đôi với việc sửa đổi BLTTHS, để cho đồng bộ các quy định của pháp luật, nhận thức áp dụng thống nhất. Do vậy, Liên ngành Tư pháp Trung ương cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật như:

Thay thế thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC “Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố”; Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BQP-BCA ngày 20/10/2008 “Về mối quan hệ phối hợp trong một số hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong Quân đội và ngoài quân đội”; Thay thế Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA ngày 27/8/2010 “Hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ điều tra bổ sung”...

Liên ngành tố tụng Trung ương cần xây dựng Thông tư liên tịch về hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm, ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; sử dụng bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự.

Liên ngành Tư pháp Trung ương sớm đề xuất Chính phủ xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 của Chính phủ về Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự; xây dựng và ban hành Nghị định quy định, hướng dẫn chi tiết về niêm phong, mở niêm phong vật chứng (điểm a, Khoản 1 Điều 90 BLTTHS năm 2015

3.3.3. Đổi mới thực hiện có hiệu quả hoạt động KSĐT các vụ án về các tội phạm ma túy.

Một là, VKS phải phối hợp chặt chẽ với CQĐT nắm chắc tình hình tố giác, tin báo về tội phạm, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hơn nữa chất lượng phân loại xử lý; theo dõi, đôn đốc việc xác minh, giải quyết của CQĐT, thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTHS

VKS hai cấp tỉnh Hải Dương cần phối hợp chặt chẽ với CQĐT của Công an các huyện, tỉnh Hải Dương để nắm chắc tố giác, tin báo về tội phạm. Đồng thời, mở sổ ghi chép thông tin tội phạm từ tất cả các nguồn chuyển đến; lập sổ đăng ký thông tin tội phạm, duy trì việc định kỳ giao ban giữa VKS các huyện, tỉnh với CQĐT Công an huyện, tỉnh Hải Dương để nắm chắc tình hình vi phạm, tội phạm xảy ra trên địa bàn đối với loại tội phạm về ma túy và các biện pháp phối hợp phát hiện, phân loại xử lý.

Đồng thời, phân công KSV có năng lực để kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kịp thời nêu những vấn đề buộc phải làm rõ khi xác minh loại vụ việc đó. Khi phân loại xử lý vụ việc, VKS phối hợp chặt chẽ với CQĐT cùng xem xét, kết luận, thống nhất đường lối xử lý, khởi tố hay không khởi tố vụ án; khởi tố tội gì, theo điều, khoản nào của BLHS.

Hai là, kiểm sát chặt chẽ việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can; kiên quyết nhưng thận trọng, không chấp nhận việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án không có căn cứ và trái pháp luật; yêu cầu khởi tố bị can khi đã đủ căn cứ phạm tội nhưng kiên quyết từ chối hủy bỏ các quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.

Sau khi nhận quyết định khởi tố kèm theo tài liệu liên quan, VKS phải cử KSV khẩn trương nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để khẳng định việc khởi tố vụ án của CQĐT là có căn cứ và đúng pháp luật hay không (nếu như chưa thống nhất với CQĐT trước khi khởi tố). Nếu thấy việc khởi tố vụ án của CQĐT rõ ràng là không có căn cứ, trái pháp luật thì VKS yêu cầu CQĐT hoặc tự mình ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án theo quy định BLTTHS. Nếu quyết định khởi tố vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật thì

yêu cầu CQĐT điều tra, phối hợp thu thập chứng cứ nhằm xác định người phạm tội để khởi tố bị can. Trường hợp CQĐT khởi tố vụ án đồng thời với việc khởi tố bị can thì VKS phải khẩn trương nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn; đồng thời KSV được phân công KSĐT vụ án kịp thời đề ra yêu cầu điều tra để CQĐT thu thập, củng cố chứng cứ, điều tra mở rộng vụ án.

Ba là, kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, nhất là các biện pháp tạm giam hạn chế quyền tự do, dân chủ công dân của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam và các biện pháp cưỡng chế.

VKS phải kiểm sát chặt chẽ các căn cứ thực tế và căn cứ pháp luật của việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn. Khẩn trương phê chuẩn các biện pháp ngăn chặn khi đã có đủ căn cứ và cần thiết để tạo cơ sở thuận lợi cho việc điều tra khám phá vụ án. Đồng thời, kiên quyết hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn không có căn cứ trái pháp luật của CQĐT. Thận trọng trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế như khám xét, tạm giữ đồ vật, vật chứng, tiền bạc trong quá trình điều tra. KSV cần Kiểm sát chặt chẽ việc thi hành lệnh khám xét đối với từng trường hợp, KSV kịp thời nêu yêu cầu thu giữ tài liệu, đồ vật liên quan. Yêu cầu biên bản khám xét ghi đầy đủ diễn biến và chính xác các kết quả khám xét, thái độ của đối tượng và những tài liệu, đồ vật thu giữ.

VKS đều phải yêu cầu CQĐT thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật TTHS. Đồng thời, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp tùy tiện xử lý vật chứng trái pháp luật, gây thiệt hại cho Nhà nước và công dân.

Bốn là, bám sát các hoạt động điều tra, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra, nhất là việc khám xét và hỏi cung bị can

KSV được phân công KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy cần bám sát các hoạt động điều tra, chủ động nắm bắt diễn biến quá trình điều tra để kịp thời đề ra yêu cầu điều tra sát đúng với những vấn đề cần chứng minh của vụ án, bảo đảm tính khả thi. Khi xét thấy cần thiết, KSV có thể trực tiếp hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị hại, nhân chứng để đảm bảo việc xử lý vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát chặt chẽ hoạt động khám nghiệm hiện trường, Đặc biệt, phải chú ý yêu cầu thu thập dấu vết, vật chứng, xác định nguyên nhân và điều kiện gây ra hậu quả. Kiểm sát chặt chẽ sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bảo đảm phản ánh trung thực hiện trường và kết quả khám

nghiệm. Trong thực tiễn giải quyết các vụ án cho thấy, sai lầm trong khám nghiệm sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng, nhiều trường hợp không thể khắc phục được.

KSV cần nghiên cứu bản cung đầu tiên của bị can xem trước khi hỏi cung bị can, ĐTV có giải thích rõ các quyền và nghĩa vụ cho bị can theo quy định của Bộ luật TTHS không. Trường hợp bị can kêu oan, không nhận tội hoặc nhận tội nhưng có nghi ngờ thì KSV phải trực tiếp hỏi cung. Khi triệu tập bị can (trường hợp bị can Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú) cần thông báo cho ĐTV biết để phối hợp; có thể báo người bào chữa để họ tham gia việc hỏi cung của KSV.

KSV phải theo dõi chặt chẽ, nắm chắc tiến độ điều tra vụ án, thường xuyên đôn đốc việc điều tra; yêu cầu ĐTV cung cấp những tài liệu cần thiết về vụ án để KSĐT kịp thời. Để thực hiện nhiệm vụ này, KSV cần trao đổi với ĐTV về Kế hoạch điều tra; mở sổ Nhật ký KSĐT để theo dõi tiến độ, đôn đốc ĐTV từng tuần và sau mỗi tháng có đánh giá quá trình, kết quả điều tra. Tích cực đôn đốc CQĐT nhanh chóng kết thúc điều tra, đưa ra truy tố đối với những vụ án lớn, nghiêm trọng.

Năm là, trước khi kết thúc điều tra KSV phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chủ động phối hợp chặt chẽ với ĐTV rà soát, đánh giá chứng cứ và các thủ tục, biện pháp tố tụng đã áp dụng.

KSV phải nghiên cứu kỹ các tài liệu chứng cứ, kịp thời phát hiện mâu thuẫn, nắm bắt và xử lý kịp thời những khiếu nại, tố cáo của người bị bắt, người bị tạm giữ, của bị can, của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác; nắm bắt ý kiến của người bào chữa về vụ án, của dư luận về quá trình khởi tố, điều tra, xử lý vụ án.

KSV chủ động phối hợp với ĐTV rà soát, đánh giá chứng cứ tài liệu để kịp thời bổ sung những thiếu sót về thủ tục tố tụng, cũng như chứng cứ để tránh tình trạng phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình giải quyết vụ án nếu có những vấn đề vướng mắc mà ĐTV và KSV chưa thống nhất về tội danh, chứng cứ hoặc xem xét trách nhiệm hình sự của những đối tượng liên quan thì phải báo cáo kịp thời để lãnh đạo CQĐT và lãnh đạo VKS chỉ đạo giải quyết.

Trước khi kết thúc điều tra đối với những vụ án phức tạp về việc đánh giá chứng cứ. KSV cần phải yêu cầu ĐTV báo cáo Thủ trưởng CQĐT tổ chức họp sơ kết giữa hai cơ quan để lãnh đạo hai cơ quan có ý kiến chỉ đạo. Đồng thời, trước khi kết thúc điều tra, đối với tất cả

các vụ án về ma túy ĐTV và KSV đều phải tổ chức tổng cung về hành vi phạm tội của bị can trong vụ án và những vấn đề liên quan đến vụ án ở giai đoạn truy tố và giai đoạn THQCT và KSXX sơ thẩm vụ án về ma túy.

Sáu là, nâng cao năng lực áp dụng pháp luật của các KSV trong KSĐT.

Để áp dụng đúng pháp luật hình sự, KSV cần xem xét toàn bộ các mặt của sự việc, phân tích, đánh giá đầy đủ các tình tiết có liên quan đến vụ án về ma túy. Mỗi khi đưa ra kết luận về một sự kiện, một tình tiết phải có căn cứ vững chắc. Trong trường hợp còn nghi ngờ về tính xác thực của tài liệu, thì phải kiểm tra, xác minh bằng cách trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo pháp luật TTHS quy định. Đối với từng tội phạm cụ thể, KSV cần nắm vững các dấu hiệu pháp lý đặc trưng, những đặc điểm hình sự của mỗi loại tội phạm và tìm hiểu kiến thức các lĩnh vực có liên quan, nếu nhận thức hời hợt thì dễ làm sai, khó thuyết phục ĐTV. KSV phải phát huy năng lực tư duy biện chứng, có phương pháp luận đúng đắn trong phán đoán, tư duy logic để xác định mối quan hệ bản chất, quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan với hậu quả của tội phạm để tránh sai lầm, quy tội chủ quan. Cũng như mối quan hệ tất yếu giữa các yếu tố cấu thành tội phạm, cấu thành vi phạm pháp luật.

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án về ma túy, KSV cần làm rõ các vấn đề phải chứng minh trong vụ án: có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, lỗi cố ý hay lỗi vô ý, có năng lực trách nhiệm hình sự hay không? mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, những đặc điểm nhân thân của bị can; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Khi đề xuất các quyết định xử lý vụ án, KSV không được xuất phát từ ý muốn chủ quan hoặc tình cảm cá nhân, mà cần xem xét kỹ vị trí, vai trò của từng bị can trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị can để cá thể hoá hình phạt, để bảo đảm tính công bằng trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Quyết định xử lý vụ án phải có căn cứ và phù hợp với quy phạm pháp luật đưa ra áp dụng. Trong trường hợp việc giải thích pháp luật hình sự có mâu thuẫn thì KSV cần đề xuất áp dụng theo nguyên tắc có lợi đối với bị can.

Khi KSĐT KSV thường phải soạn thảo các văn bản áp dụng pháp luật. Các quyết định tố tụng phải được ban hành đúng thẩm quyền, tên gọi, có căn cứ thực tế và cơ sở pháp

lý, mẫu quyết định phải theo đúng thể thức đã quy định tại Quyết định số 07 ngày 02/01/2008 của Viện trưởng VKSNDTC. Nội dung văn bản phải rõ ràng, chính xác, nêu rõ trường hợp cụ thể, chủ thể áp dụng; điều luật cần viện dẫn, ngày, tháng, năm ra văn bản và người có thẩm quyền ký văn bản.

3.3.4. Tăng cường thực hiện tốt mối quan hệ giữa VKS các huyện, thành phố thuộc tỉnh, Phòng THQCT và KSĐT án ma túy của VKS tỉnh với CQĐT công an huyện, Công an tỉnh trong điều tra, truy tố vụ án về ma túy.

Tăng cường quan hệ phối hợp giữa VKS với CQĐT trong đấu tranh phòng, chống tội phạm là một yêu cầu tất yếu hiện nay. Hoạt động tố tụng giải quyết án hình sự là hoạt động phức tạp được pháp luật quy định cụ thể đối với hệ thống cơ quan khác nhau thực hiện, đó là: CQĐT, VKS và Tòa án. Mỗi cơ quan được pháp luật quy định thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhất định, có tính độc lập tương đối. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả của hoạt động pháp luật trong KSĐT ở giai đoạn điều tra của VKSND thì phải nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật của CQĐT.

Hoạt động phối hợp liên ngành phải được thực hiện ngay từ khi có tố giác, tin báo về tội phạm đến khi vụ việc được giải quyết một cách triệt để theo quy định của pháp luật, tránh để tình trạng lọt người, lọt tội hoặc làm oan người vô tội. Việc thực hiện tốt mối quan hệ này là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội phạm về ma túy bảo đảm việc thực hiện đúng nhiệm vụ được qui định tại Điều 1 BLHS, Điều 1 BLTTHS.

Do tính chất phức tạp của mối quan hệ giữa CQĐT và VKS, kết hợp với việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện luật của liên ngành chưa kịp thời đầy đủ, nên trong hoạt động thực tiễn, mối quan hệ giữa CQĐT và VKS nhiều khi còn tùy tiện, nể nang và chưa thống nhất. Nhiều hoạt động KSĐT của VKS chưa được thể hiện bằng văn bản mà chỉ trao đổi qua miệng với CQĐT. Từ thực tiễn cho thấy, nếu các cơ quan THTT cùng nhận thức thống nhất và thực hiện nghiêm chỉnh BLTTHS, cùng phối hợp chặt chẽ với nhau sẽ nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự nói chung, tội phạm xâm phạm về ma túy nói riêng. Đặc biệt, sự phối hợp chặt chẽ giữa CQĐT, VKS thì việc tham gia hoạt động kiểm sát ngay từ khi mới khởi tố vụ án sẽ đem lại hiệu quả cao trong việc khám phá và giải quyết nhanh các vụ án.

Việc duy trì và thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan trong điều tra, truy tố các vụ án về ma túy phải được những người THPT nhận thức rõ đây là trách nhiệm nên phải nghiêm túc thực hiện. Mối quan hệ này phải được quán triệt đồng thời ở cả hai cơ quan và phải được tiến hành đồng bộ trong suốt quá trình thực hiện các hoạt động điều tra, truy tố tội phạm. Ngược lại, nếu sự phối hợp thiếu chặt chẽ thì tất yếu sẽ dẫn đến hậu quả là việc giải quyết và xử lý tội phạm sẽ kém hiệu quả, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội phạm về ma túy có thể dẫn đến tình trạng để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan pháp luật.

3.3.5. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong công tác KSĐT các vụ án về ma túy

VKSND tỉnh cần xây dựng một hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng, hiệu quả kiểm sát HĐTP, trong đó có công tác KSĐT theo phương châm không chỉ ở số lượng vụ án giải quyết nhiều hay ít mà điều quan trọng hơn là từng KSV, từng khâu, từng cấp kiểm sát đã làm những gì và làm như thế nào để tác động đối với các cơ quan tiến hành tố tụng (CQĐT và Tòa án) tích cực phát hiện và xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội. Từng bước loại trừ có hiệu quả vi phạm pháp luật của các cơ quan này. Mặt khác, cán bộ, KSV phải tự mình tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém và đề ra biện pháp khắc phục có hiệu quả. Cán bộ quản lý phải là những KSV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời phải là người có khả năng chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động của đơn vị mình. Viện trưởng, Phó viện trưởng, Trưởng phòng KSĐT án ma túy phải nắm chắc được tổng số vụ án đang KSĐT và tiến độ điều tra vụ án theo thời hạn luật định để có biện pháp chỉ đạo, giám sát đôn đốc, không để xảy ra tình trạng bỏ lọt án, mất án, tình trạng điều tra vụ án bị kéo dài... Thực tiễn cho thấy, việc quản lý, chỉ đạo, có ý nghĩa quan trọng đối với việc thúc đẩy hiệu quả công tác KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng. Do vậy, công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động này phải được quan tâm thường xuyên và tăng cường hơn nữa.

Yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là phải sát cán bộ, KSV, nắm chắc hoạt động của từng khâu công tác của mình phụ trách và của người dưới quyền để lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và uốn nắn những thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, một số tiêu chí phải nắm theo

danh sách để kịp thời áp dụng các biện pháp công tác kiểm sát theo luật định như: những trường hợp tạm giữ, tạm giam không có căn cứ, quá hạn hoặc những trường hợp giam, giữ không có lệnh; những vụ án, bị can do VKS khởi tố và yêu cầu điều tra, trả tự do vì không phạm tội, những trường hợp CQĐT, tạm đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ điều tra.

Một trong những biện pháp quan trọng của công tác lãnh đạo, chỉ đạo mà người lãnh đạo phải thực hiện tốt là việc kiểm tra người dưới quyền; thông qua công tác kiểm tra để phát hiện những thiếu sót, sai phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ đó uốn nắn kịp thời và khắc phục những sai phạm đó hoặc có thể rút kinh nghiệm chung trong từng khâu công tác. Bằng việc ban hành các thông báo bằng văn bản để cho toàn thể cán bộ, KSV trong đơn vị học tập rút kinh nghiệm và để làm cơ sở thực hiện tiếp theo. Để thực hiện tốt công tác KSĐT đối với vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng. VKSND tỉnh trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành nên đưa ra một số chỉ tiêu bắt buộc để đánh giá thi đua đối với tập thể, cá nhân của đơn vị. Tăng cường kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, các KSV đề xuất với lãnh đạo đơn vị việc quyết định là do Viện trưởng quyết định theo thẩm quyền. Tất cả các vụ án đã thụ lý, cán bộ, KSV KSĐT đều phải nắm chắc tiến độ điều tra, kịp thời đề ra yêu cầu điều tra bằng văn bản, có chất lượng, yêu cầu điều tra phải được lưu trong hồ sơ chính của vụ án. Đối với những vụ án trả hồ sơ điều tra bổ sung và án đình chỉ thì Lãnh đạo Viện đưa ra rút kinh nghiệm trong giao ban lãnh đạo hoặc cuộc họp đơn vị để rút kinh nghiệm. Về công tác sơ kết, tổng kết nghiệp vụ: hàng năm công tác KSĐT các vụ án hình sự nói chung các vụ án về ma túy nói riêng cần được nghiên cứu tổ chức sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm, tập trung những vấn đề có khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn để bồi dưỡng nâng cao trình độ nhận thức cũng như năng lực nghiệp vụ cho cán bộ, KSV.

Cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh Hải Dương triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kết luận số 95-KL/TW ngày 02/4/2014 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 26/3/2008 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới; đồng thời, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy vai trò, trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể nhất là các lực lượng nòng

cốt, chuyên trách nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống ma túy.

Tập trung lực lượng, triển khai đồng bộ các giải pháp trên toàn tỉnh Hải Dương nhằm kiềm chế gia tăng người nghiện, tội phạm về ma túy; nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh triệt phá các đường dây, ổ nhóm tội phạm về ma túy và với số đối tượng đưa ma túy vào địa bàn tiêu thụ; giải quyết cơ bản tình hình phức tạp về ma túy tại các tuyến, địa bàn trọng điểm; ngăn chặn sự gia tăng tiến tới xóa bỏ tệ nạn về ma túy ở các xã, phường, thị trấn; tạo chuyển biến tích cực trong công tác phòng, chống ma túy tại các địa phương trong toàn tỉnh Hải Dương.

Công tác phòng, chống ma túy cần được lồng ghép với việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng, chống tội phạm nói chung và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên cùng một địa bàn nhằm phát huy tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho công tác này.

3.3.6. Hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân đối với hoạt động KSĐT của VKS trong giai đoạn điều tra đối với các vụ án ma túy

Đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, để bảo đảm hoạt động giám sát có chất lượng và hiệu quả, cần sớm hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử theo hướng sau đây:

Đổi mới và nâng cao chất lượng chất vấn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Thông qua chất vấn và trả lời chất vấn, những hạn chế, tồn tại trong hoạt động điều tra, truy tố được công khai đến các tầng lớp nhân dân. Sức ép từ phía dư luận xã hội về những sai phạm, tồn tại trong hoạt động điều tra, truy tố buộc các cơ quan THTT phải đổi mới cơ chế, chính sách và phương thức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Tuy nhiên, trên thực tế những năm qua, hoạt động chất vấn còn nhiều bất cập. Một mặt, do hoạt động của các cơ quan dân cử còn mang nặng tính hình thức; mặt khác, chất lượng đại biểu dân cử nhìn chung còn thấp và không đồng đều. Đa số những đại biểu có kiến thức, có năng lực đều là những đại biểu hoạt động kiêm nhiệm, những đại biểu không kiêm nhiệm phần lớn là những đại biểu theo cơ cấu thành phần xã hội, cơ cấu vùng miền. Trong điều kiện đó, không phải vị đại biểu dân cử nào cũng có thể thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, nhất là việc chất vấn đối với các hoạt động điều tra, truy tố.

Để đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn nói riêng, chất lượng giám sát nói chung,

trước hết phải đổi mới phương thức hoạt động của HĐND các cấp theo hướng tăng cường đại biểu hoạt động chuyên trách; nâng cao chất lượng đại biểu, theo đó những đại biểu theo cơ cấu thành phần xã hội cũng phải đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định mới được ứng cử làm đại biểu dân cử. Có cơ chế, chính sách hợp lý để phát huy vai trò giám sát của cá nhân đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND đối với hoạt động của ngành KSND và các cơ quan tư pháp khác. Cần phân công những đại biểu có chuyên môn về lĩnh vực pháp luật trực tiếp phụ trách việc giám sát hoạt động của ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác. Gắn trách nhiệm của những đại biểu này với kết quả công tác của các cơ quan tư pháp theo hướng, các đại biểu được phân công giám sát cũng phải chịu một phần trách nhiệm về những sai phạm, tồn tại trong hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Mặt khác, cần tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động của VKSND. Đặc biệt là vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận. Muốn vậy, phải mở rộng các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nâng cao nhận thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, để họ tham gia tích cực, có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như kiểm tra, giám sát hoạt động trong việc giải quyết án hình sự của các ngành tố tụng.

3.3.7. Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho CQĐT, VKS; đồng thời có chế độ ưu đãi đối với ĐTV, KSV, đặc biệt là đối với những người làm công tác đấu tranh chống tội phạm ma túy

Thực hiện Luật phòng chống ma túy và chủ trương cải cách tư pháp, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và thực hiện nhiều chế độ, chính sách đối với cán bộ các cơ quan tư pháp, đặc biệt đối với những người làm công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy. Tuy nhiên, so với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và trong mối tương quan về mức sống với các ngành kinh tế khác, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc của CQĐT và VKS vẫn còn thiếu thốn, nghèo nàn và lạc hậu. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ chính trị nhận định: "*Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là cấp huyện, nhiều nơi trụ sở còn chật chội, phương tiện làm việc vừa thiếu lại vừa lạc hậu...*".

Để bảo đảm việc phát hiện khởi tố điều tra, truy tố các tội phạm nói chung, các tội phạm về ma túy nói riêng đạt hiệu quả cao, trong thời gian tới, Đảng và Nhà nước cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và hoàn thiện chế độ, chính sách đối với ĐTV, KSV theo hướng sau:

Ưu tiên đầu tư trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác điều tra, truy tố các vụ án về ma túy. Phân đầu trong thời gian sớm nhất, 100% CQĐT và VKS cấp tỉnh, thành phố và tương đương đều được nối mạng máy tính cục bộ và nối mạng với CQĐT Trung ương và VKSNDTC. Đồng thời, trang bị phương tiện cơ động nhanh với trang thiết bị hiện đại, máy ghi âm, ghi hình và dụng cụ bảo hộ phục vụ các hoạt động nghiệp vụ có tính độc hại cao như khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, nhất là phải thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường... đặc biệt ưu tiên cho lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy các phương tiện thông tin hiện đại, máy định vị các cuộc điện thoại di động của các đối tượng mua bán ma túy, tạo điều kiện cho họ nhanh chóng phát hiện được vị trí đang hoạt động của đối tượng để có kế hoạch và biện pháp vây bắt kịp thời và hiệu quả. Ưu tiên trong việc in ấn, cấp phát các văn bản pháp luật, tài liệu, sách báo có liên quan đến lĩnh vực pháp luật về ma túy cho ĐTV, KSV để họ nghiên cứu học tập và áp dụng vào giải quyết các vụ việc cụ thể.

Đấu tranh chống tội phạm ma túy là công việc hết sức khó khăn, vất vả, quyết liệt và rất dễ bị đối tượng mua chuộc, trong khi đó ĐTV và KSV không có khoản thu nhập nào khác ngoài lương. Vì vậy rất cần có chế độ lương, phụ cấp và các đãi ngộ thỏa đáng đối với ĐTV, KSV ngành Công an, Kiểm sát làm công tác đấu tranh chống tội phạm ma túy, để họ có điều kiện ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, không bị dao động, sa ngã trước mọi tác động, cám dỗ, mua chuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao trong điều kiện đặc thù của việc đấu tranh chống tội phạm ma túy ngày càng cam go, khốc liệt hiện nay.

3.3.8. Tăng cường công tác tổng kết chuyên đề, tổ chức tập huấn có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật về công tác chuyên môn nghiệp vụ và liên quan đến các vụ án về ma túy.

Công tác quán triệt, tập huấn các Bộ luật, các luật và các văn bản dưới luật có ý nghĩa rất thiết thực đối với hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND. Tuy nhiên việc quán triệt, tập huấn mới chỉ đạt được một số nội dung cơ bản của luật và văn bản dưới luật. Về phạm vi, đối tượng được truyền đạt còn rất hạn chế, mới chỉ tập trung vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Cán bộ, KSV làm công tác nghiệp vụ ít được tập huấn mà phải tự nghiên cứu, tìm hiểu là chính. Điều đó, dẫn đến tình trạng nhận thức nhiều lúc không đầy đủ, thiếu chính

xác, không thống nhất. Để khắc phục tình trạng này, nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả đối với công tác tập huấn trong thời gian tới cần phải đổi mới quy trình, cách thức tổ chức việc tập huấn luật và các văn bản dưới luật. Nội dung chương trình tập huấn phải theo chuyên đề, phải giao cho Phòng nghiệp vụ chuẩn bị nội dung, trước khi chuẩn bị thành chuyên đề chính thức, chuyên đề phải được tổng kết từ thực tiễn của công tác KSĐT án hình sự nói chung, án về ma túy nói riêng.

Nội dung tập huấn phải được lãnh đạo VKSND tỉnh duyệt và thông qua trước khi trình bày chính thức tại hội nghị tập huấn. Đối tượng tập huấn không chỉ là lãnh đạo VKS các cấp, mà cần phải quan tâm đến các đối tượng là KSV làm công tác KSĐT các vụ án hình sự nói chung, án về ma túy nói riêng, vì đây là những đội ngũ cán bộ tác nghiệp trực tiếp. Đặc biệt là, KSV làm công tác hình sự liên quan đến tội phạm về ma túy.

Đi đôi với việc đổi mới quy trình, các thức tập huấn các bộ luật, văn bản dưới luật, cần phải tăng cường tiến hành tổ chức tổng kết chuyên đề, nhất là các chuyên đề liên quan đến tội về ma túy. Công việc này, Phòng KSĐT án ma túy phải chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm và đề xuất, chuyên đề tập huấn phải được ghi trong Kế hoạch công tác hàng năm của Viện trưởng VKSND tỉnh, được Viện trưởng VKSND tỉnh giao cho Phòng KSĐT án ma túy chủ trì và thực hiện.

Khi đã tổng kết rút kinh nghiệm thành công, các chuyên đề này phải được dùng làm tài liệu tập huấn, hướng dẫn, phổ biến kinh nghiệm rộng rãi đến tất cả các đối tượng trong toàn ngành Kiểm sát tỉnh Hải Dương để cùng học tập, vận dụng thực hiện trong việc giải quyết các vụ án về ma túy.

Kết luận chương 3

Trong giai đoạn hiện nay, công tác thực hiện chức năng nhiệm vụ của ngành kiểm sát đứng trước những thử thách lớn với rất nhiều những khó khăn mới và yêu cầu ngày càng cao. Trên cơ sở phân tích những vướng mắc trong công tác thực hành quyền KSĐT trên cả phương diện lý luận và thực tiễn tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác này. Những giải pháp này mang tính chất định hướng để từng bước tháo gỡ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc từ đó sẽ đáp ứng những yêu cầu về cải cách tư pháp hiện nay của Đảng và Nhà nước đặt ra cho ngành Kiểm sát

KẾT LUẬN

Đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy luôn là yêu cầu bức thiết trong công cuộc phòng chống tội phạm nói chung. Trong những năm vừa qua, tình hình tội phạm ma túy trên phạm vi cả nước nói chung, trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng phát triển với tốc độ nhanh, tính chất phức tạp ngày càng gia tăng, đòi hỏi các cơ quan Nhà nước, tổ chức, đơn vị phải tập trung lực lượng để đấu tranh nhằm ngăn chặn, tiến tới loại trừ hiểm họa này. Trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện về tình hình tội phạm ma túy cũng như kết quả của công tác KSĐT các vụ án đối với tội phạm về ma túy từ thực tiễn tỉnh Hải Dương, của luận văn:

1. Chương 1 của luận văn, tác giả đã tập trung tổng hợp, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về công tác KSĐT về tội phạm nói chung, tội phạm về ma túy nói riêng. Đó là: lập luận, phân tích khái niệm KSĐT, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong công tác KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng; phân tích các nội dung của công tác KSĐT

Tác giả luận văn tập trung phân tích mối quan hệ phối hợp giữa VKS và CQĐT trong hoạt động KSĐT các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về tội phạm ma túy nói riêng. Đồng thời đưa ra một số tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động KSĐT các vụ án về hình sự nói chung, các vụ án về tội phạm ma túy.

2. Chương 2, tác giả luận văn tập trung phân tích về điều kiện, tự nhiên của tỉnh Hải Dương liên quan đến tình hình tội phạm về ma túy, khái quát tình hình, đặc điểm các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương; vai trò của VKSDN đối với công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về ma túy; đánh giá về tổ chức, bộ máy của VKSND tỉnh Hải Dương đối với công tác KSĐT các vụ án về tội phạm ma túy. Bằng các số liệu cụ thể với thời điểm 05 năm (từ 2012 đến 2016), tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá những kết quả đã đạt được của công tác KSĐT các loại án về tội phạm ma túy của VKS hai cấp tỉnh Hải Dương (trên cơ sở các khâu công tác nghiệp vụ). Qua đó tác giả luận văn đã rút ra những tồn tại, thiếu sót đối với công tác KSĐT các loại án về tội phạm ma túy, trên cơ sở đó đã rút ra những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao, chất lượng hiệu quả của công tác KSĐT các vụ án đối với tội phạm về ma túy trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.

3. Chương 3 tác giả luận văn đưa ra dự báo tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian tới; trên cơ sở các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước luận văn đã tổng hợp các quan điểm, định hướng công tác KSĐT đối với các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về ma túy nói riêng đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay và giai đoạn tiếp theo.

Từ những tồn tại thiếu sót, nguyên nhân của tồn tại, thiếu sót của công tác KSĐT của VKS hai cấp tỉnh Hải Dương đối với các vụ án về tội phạm ma túy được đánh giá ở Chương 2, tác giả luận văn đã đề xuất các giải pháp, kiến nghị nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác KSĐT của VKSND tỉnh Hải Dương đối với loại tội phạm về ma túy

Những kết quả đã đạt trong luận văn là sự thể hiện nỗ lực, cố gắng của tác giả; sự giúp đỡ nhiệt tình và có trách nhiệm của các thầy, cô, các nhà khoa học, các đồng nghiệp trong ngành Kiểm sát. Đặc biệt là thầy giáo hướng dẫn khoa học luận văn này. Tuy nhiên, do điều kiện và khả năng nghiên cứu của tác giả, luận văn này không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả luận văn rất mong được sự đóng góp ý kiến chân thành của các nhà khoa học và các đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn/.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thanh Biểu (2001), *Công tác kiểm sát điều tra ma túy*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học Pháp lý (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2001), *Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố*, Báo cáo tại Hội nghị khoa học, Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí (Đồng chủ biên) (2001), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn nhà nước pháp quyền*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Khổng Hà và Trần Minh Hương (2000), *Tìm hiểu Luật tố tụng hình sự*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. Bùi Mạnh Cường (2006), *Áp dụng pháp luật trong giai đoạn điều tra, truy tố các vụ án ma túy ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
9. Lê Chí Dũng (2013), *Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các vụ án về ma túy có bị can là người nước ngoài của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Dư (2007), *Nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
13. Đỗ Văn Dương (2006), "Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở n-

ước ta hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*

14. Nguyễn Đình Khu (2015), "Thực trạng và giải pháp ngăn chặn hoạt động mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy tổng hợp qua các tuyến biên giới", *Tạp chí Công an nhân dân*
15. Vũ Văn Mộc (Chủ biên) (2006), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của thu thập, đánh giá chứng cứ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Đề tài cấp Bộ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Mai Nga (2006), *Nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Viện Kiểm sát nhân dân và cơ quan Cảnh sát điều tra trong giải quyết các vụ án ma túy*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Mai Nga (2008), *Quan hệ phối hợp giữa Viện Kiểm sát nhân dân với cơ quan cảnh sát điều tra trong giải quyết các vụ án ma túy*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Phạm Văn Ngọc (2010), *Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn tỉnh Nam Định*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
19. Vũ Thị Xuân Huệ (1998), *Một số hoạt động kiểm sát điều tra án kinh tế tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ Luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
20. Hoàng Phê (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Phạm Hồng Quân (2008), "Về chức năng và nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự", *Tạp chí Khoa học*
22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Phòng chống ma túy*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ Luật tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

27. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự năm 2015*, Hà Nội.
29. Lê Thị Hồng Thanh (2006), *Hoàn thiện pháp luật về quyền công tố của Viện Kiểm sát nhân dân theo chiến lược cải cách Tư pháp*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
30. Phùng Ngọc Thanh (2007), *Nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy*, Luận văn Cao cấp Lý luận chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
31. Phùng Ngọc Thanh (2012), *Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự của Viện Kiểm sát nhân dân ở tỉnh Lai Châu*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
32. Lê Hữu Thể (Chủ biên) (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Phạm Ngọc Toàn (2009), *Cơ sở lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát nhân dân đối với án ma túy trên địa bàn các huyện biên giới tỉnh Nghệ An*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

PHẦN PHỤ LỤC
PHỤ LỤC SỐ 1
SỐ LIỆU THỤ LÝ THQCT VÀ KIỂM SÁT VIỆC THỤ LÝ TỔ GIÁC TIN BÁO VỀ
TỘI PHẠM VÀ KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ CỦA CQĐT – VKSND(*)

Năm	Tổng số đã thụ lý, Kiểm sát tố giác tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	Trong đó		Tổng số CQĐT Đã giải quyết	Trong đó			Tồn chuyển năm sau	Đang xác minh
		Tồn năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		CQĐT kết thúc xác minh. Ra quyết định khởi tố vụ án	CQĐT kết thúc xác minh ra quyết định không khởi tố vụ án	CQĐT Chuyển giải quyết theo thẩm quyền		
2012	208	0	208	208	207	1	0	0	0
2013	211	0	211	210	210	0	0	0	1
2014	210	1	209	210	208	2	0	0	0
2015	221	0	221	220	220	0	0	0	1
2016	254	0	253	253	253	0	1	0	0
Tổng	1104	1	1102	1101	1098	3	1	0	2

PHỤ LỤC SỐ 2
SỐ LIỆU THỐNG KÊ VIỆC PHÊ CHUẨN, KHÔNG PHÊ CHUẨN QUYẾT ĐỊNH
KHỞI TỐ BỊ CAN CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY(*)

Năm	Viện kiểm sát trực tiếp khởi tố		Viện kiểm sát Hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án	Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án	Viện kiểm sát Yêu cầu Quyết định khởi tố vụ án	Viện kiểm sát Yêu cầu Quyết định khởi tố bị can	Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can
	Vụ	Bị can	Vụ	Vụ	Vụ	Bị can	Bị can
2012	187	219	3	0	28	30	0
2013	176	209	0	1	31	27	2
2014	198	213	2	1	25	20	1
2015	223	244	0	0	22	25	0
2016	255	290	1	0	24	17	0
Tổng	1039	1175	6	2	130	119	3

PHỤ LỤC SỐ 3
SỐ LIỆU TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ÁN MA TÚY GIA ĐOẠN XÉT XỬ (*)

Năm	Tổng số VKS truy tố		Trong đó				Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung		VKS đình chỉ		Trong đó, TA tuyên không phạm tội	
			VKS tỉnh truy tố		Chuyển VKS địa phương truy tố							
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2012	205	217	180	210	25	7	3	5	1	2	0	0
2013	212	230	169	187	14	17	2	6	0	0	0	0
2014	220	241	148	200	15	34	0	0	2	4	0	0
2015	226	266	134	115	17	24	0	0	1	3	0	0
2016	229	290	134	157	19	32	1	3	1	2	0	0

(*) Nguồn VKSND tỉnh Hải Dương